

BẢN DỊCH THUẬT HÀN TANG PHÁP ÂM

Nguyên tác:

Thiền Sư Tri Triết

禪宗決疑集

THIỀN TÔNG QUYẾT NGHỊ TẬP

Viết dịch và Chu thính
Đặng Tiến - Chúc Hiện

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

THIỀN TÔNG

QUYẾT NGHI TẬP

Thiền Sư Trí Triệt

Việt dịch: Đồng Tiên - Chúc Hiền

Nhà xuất bản Phương Đông

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chánh Văn - Thiền tông quyết nghị tập

- | | | |
|-----------------------------|---|--|
| 1. Nguyên trạm lưu thanh mô | 10. Thuận túc miễn hoạn môn | 18. Song lâm di giới chúng
đảng tuân y |
| 2. Ly trần tinh tấn môn | 11. Thượng căn khí môn | 19. Pháp môn sám hối, hạnh
nguyệt Bồ-đề |
| 3. Khước bộ phục thăng môn | 12. Thiền lâm tĩnh lự môn | 20. Ước tích xuất trần thừa
huynh cảnh giới |
| 4. Thối đọa sách lệ môn | 13. U cư chính mạch môn | 21. Phục trùng giải nạo, chỉ
cảnh, tức mê |
| 5. Giải đãi khích lệ môn | 14. Kỳ Viên thánh chúng môn | |
| 6. Chấp ngại quyết nghị môn | 15. Giác ngộ huyền tông môn | |
| 7. Thất chính cứu cánh môn | 16. Quy nguyên thật tế môn | |
| 8. Triệt để cùng uyên môn | 17. Thể dụng song tu, âm dực
vương hóa | |
| 9. Chỉ bốn hoàn chơn môn | | |

Tông chỉ Lâm Tế

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP này do thiền sư Đoạn Vân Trí Triệt soạn vào đời Nguyên, được ấn hành vào niên hiệu Khang Hi thứ 6 (1667) đời Thanh, sau đó được xếp vào Đại Chính Tạng tập 48, trang 1009.

Chẳng rõ Sư người xứ nào. Chỉ biết năm 26 tuổi, Sư thọ ngũ giới, ăn chay, chuyên tâm niệm Phật.

Năm 31 tuổi, Sư theo hòa thượng Vân Phong Diệu Cao xuất gia, tham thiền học đạo, được hòa thượng trao câu thoại đầu: “Muôn pháp về một, một về đâu?”. Sau đó, Sư đến am Hà Đường Chủ ở phủ Quỳ, ngày đêm tinh tấn Thiền hành, buông bỏ ngoại duyên, đạt đến trạng thái trần cảnh bất dứt, niêm tĩnh nối nhau.

Theo lời thỉnh cầu của thủ tọa Độn Cơ và sự động viên của hòa thượng Cổ Đạo, Sư đã biên soạn tác phẩm này, ngõ hầu làm kim chỉ nam cho người sơ cơ. Sư đem sự thè nghiệm của chính mình để nói về công phu dụng tâm học đạo, đồng thời trình bày và giải thích phương pháp tu đạo thực tiễn, lấy việc tham cứu sâu xa huyền chỉ Phật đạo để hiển bày bản lai diện mục nơi mỗi người.

Nội dung sách này chia làm hai mươi một môn: Nguyên trạm lưu thanh môn, Li trần tinh tấn môn, Khuớc bộ phục thăng môn, Thối đọa sách lệ môn, Giải đai miễn cầm môn, Chấp ngại quyết nghi môn, Thất chính cứu cánh môn, Triệt để cùng uyên môn, Chỉ bản hoàn chân môn, Thuận tức miễn hoạn môn, Thượng căn lợi khí môn, Thiền lâm tĩnh lự môn, U cư chính phái môn, Kỳ Viên Thánh chúng môn, Giác ngộ huyền tông môn, Quy nguyên thật tế môn, Thể dụng song tu âm dục Vương hóa, Song lâm di giới chúng đặng tuân y, Sám hối pháp môn Bồ-đề hạnh nguyện, Úc tích xuất trần thừa huynh cảnh giới, Phục trưng giải đọa chỉ cảnh tức mê. Trong sách phần nhiều bàn về việc của ngài Triệu Châu Tùng Thẩm.

Sau này, các tác phẩm *Thiền Quan Sách Tán* của Châu Hoằng, *Giác Hổ tập* quyển hạ của Tế Năng, phần nhiều căn cứ theo sách này.

Sau đây là một số qui ước viết tắt ở phần cước chú:

TĐPHHQ: Từ Điển Phật Học Huệ Quang, Thích Minh Cảnh chủ biên.

PHĐTĐ: Phật Học Đại Từ Điển của Đinh Phúc Bảo.

TĐTTHV: Từ Điển Thiền Tông Hán Việt, Hán Mẫn- Thông Thiền biên dịch.

HNĐTĐ: Hán Ngữ Đại Từ Điển, Mộng Trúc Phong chủ biên

Những kẻ hậu học là hàng sơ cơ thấp kém, kiến thức và sự hành trì không được mảy may, chỉ phiên dịch theo từ ngữ thì làm sao tránh khỏi lỗi lầm! Ngưỡng vọng các bậc tôn túc, trí giả chỉ dạy thêm.

CHÁNH VĂN - THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP

Thiền sư Trí Triệt ở Tây Thục trước thuật^[1]

1. Nguyên trạm lưu thanh môn (Nguồn lặng dòng trong)

Các pháp không tự khởi, chúng hiện hữu đều có nguyên do. Muốn sạch các nghi, cần phải trừ những mê lầm nhỏ nhiệm. Nay tôi xin thuật lại quá trình hạ thủ công phu năm xưa khiến người học thấy nghe, từ đó dễ dàng tu tập. Tôi là kẻ xuất gia muộn màng, dốc hết đạo tâm kiên cố, không đoái hoài đến sự nguy vong, một bè thắng tiến. Dầu gặp ma, gặp nạn, tâm niệm ấy vẫn không quên; gặp nhục, gặp vinh cũng một lòng không hề nao núng. Cho nên bị gọi là kẻ có cháp. Nếu không có tâm sắt đá thì làm sao kham nổi việc như thế! Lúc còn trẻ, tuy tôi ở trong vòng ngũ dục^[2] mà như đạo chơi cảnh vường; dù tràn lao đầy dây, việc đời dồn dập, nhưng chạm cảnh thì vô vi, tâm thường điềm tĩnh; được mà không vui, ứng dụng vô cùng; mất cũng chẳng buồn, hiện tiền vô ngại.

Lúc mới tu học, tôi đã trải qua nhiều gian nan, nhưng suy xét tận cùng mà cũng không có nơi trú hướng. Vào thời tráng niên khỏe mạnh, làm việc hơn người, công phu dũng mãnh, nhưng khó đạt đến chỗ rốt ráo. Nay thật tình bảo cùng bạn đạo, phân tích nguyên do. Đạo do người hoằng truyền, không luận tăng hay tục.

H

2. Ly trần tinh tấn môn (Tinh tấn lià trần)

Hai mươi sáu tuổi, Trí Triệt tôi thọ giới, trì trai, chuyên tâm niệm Phật.

Ba mươi mốt tuổi, xuất gia làm tăng, tham thiền học đạo. Thầy tôi là hòa thượng Vân Phong^[3] dạy tham câu: “Muôn pháp về một, một về đâu?”. Sau đó, tôi cùng với huynh Quang kết bạn đi đến am Hà Đường Chủ ở phủ Quỳ. Nơi đây rất yên tĩnh, nên tôi quyết định chọn làm chỗ dừng chân. Tự ở trước tượng Phật đốt hương phát nguyện, lập hạn quyết tử trong ba năm, đồng thời phát thệ rằng: “Nếu tôi giải đãi, ham muốn ngồi nằm, mong cầu an ổn, thân chạm giường ghế thì cam chịu đọa vào địa ngục Vô Gián^[4] không có ngày ra”.

Từ đó, ngày đêm thiền hành, trừ hai thời cơm cháo mới ngồi, các việc khác như uống trà nước cũng không dùng chân. Bạn đạo, thí chủ đến thăm hỏi, cũng không tiếp đãi, nói năng thiểu giảm, luôn đè cù

câu: “Muôn pháp về một, một về đâu?”. Chỉ để tâm vào chữ “một” này, hết sức tha thiết, đè khởi nghi tình. Có lúc đắc lực, tâm như bầu trời trong xanh, không gợn một áng mây, chỉ biết nghi tình nơi chữ “một”. Trong tâm linh hoạt, như hạt châu lăn ngang dọc trong mâm không ngăn ngại. Đến trạng thái này không biết có thân đi trên đất, cũng chẳng biết có việc động, tĩnh, lạnh, nóng ở thế gian. Xoay thân, cúi ngược, đại tiểu tiện đều không có tâm tính toán, phân biệt, chỉ theo nghi tình ấy mà thuận chân bước đi; ăn cơm ăn cháo tiện tay nắm muỗng, buông đũa; lại chẳng biết trong cơm ăn có vị cay, chua, mặn, lạt. Đến đây mới biết là công phu chuyên tâm một chỗ, chỉ có niệm tịch nỗi nhau.

Tôi nêu ra việc này, hoặc có người chưa hạ thủ công phu thì nghi ngờ không tin, vì vậy tôi tạm nêu hai ví dụ nhỏ. Thí như ở đời có một dũng sĩ nổi cơn thịnh nộ, vào trong trăm vạn quân, bắt lấy vị thống soái. Người đó muốn chiến thắng để lập công mà không đoái hoài đến sự nguy vong. Một khi phẫn nộ liền tiến tới trước, không có ý thoái lui, người học đạo cũng giống như thế.

Như chúng ta muốn cầu đạo vi diệu vô thượng để báo đền bốn ân^[5] sâu nặng, mượn hình hài cha mẹ cho, đốt một cây hương, một ngón tay, một cánh tay, phát khởi một niệm tinh tấn thì quên hết đau khổ. Vì sao? Bởi không có niệm thứ hai, vừa biết đau khổ thì rơi vào niệm thứ hai.

Hai ví dụ trên là muốn để cho người học tin sâu việc này, không được nghi ngờ, công phu thấu đáo mới có chỗ tương ứng; đồng thời lấy điều này làm qui tắc cho việc thực hiện công phu đắc lực.

H

3. KhuỚc bộ phục thăng môn (Lùi bước rồi lại tiến)

Giờ đây, nêu trường hợp khi công phu không đắc lực. Nghi tình trên chữ “một” này chợt nghi, chợt mất, đó là do rơi vào hôn trầm hoặc bị tán loạn. Nếu ráng dùng sức khởi nghi thì đã không đắc lực mà lùi lại càng lùi.

Chữ lui sụt (thoái) này, phần lớn hành giả không biết xử trí, cho nên nêu một ví dụ nhỏ để làm sáng tỏ. Như có người nghèo ngoài muôn dặm có chậu báu, liền đi tìm, hoặc đi được một nghìn, hai nghìn dặm, năm nghìn dặm lại sinh tâm thoái lui, không muốn đi nữa. Khi vừa thoái lui bỗng tự nhiên than rằng: “Nếu ta trở về thì uổng phí công sức trước kia, mãi chịu đói nghèo khổn khổ”. Lại nghĩ: “Chậu báu đó ai đi cũng có phần, sao ta lại bỏ?”. Bấy giờ người ấy phần chấn quyết chí tiến bước đến nơi, nhặt chậu báu, trở thành giàu có, làm lợi ích an vui cho cả quyền thuộc. Việc thế gian đều như thế. Nay nêu ra ví dụ tiến, thoái này nhằm vào chỗ hạ thủ công phu không đắc lực khiến cho đắc lực. Thật ra, sợ hàng hậu học đời sau nửa chừng chán bỏ, cho nên lấy việc này để khuyên gắng thêm!

H

4. Thôi đọa sách lệ môn (Khuyên tấn khích lệ khi tâm thoái lui)

Đoạn này nêu lên hai trường hợp thoái lui và không đắc lực, người học không được gom thành một việc. Sau đây nói rõ lại chữ “thoái” này khiến cho người học nhận biết. Thoái là thoái tâm Bồ-đề, thoái tâm bền lâu, thoái tâm tinh tấn, không muốn lẽ Phật, không muốn tu đạo, không muốn tham kiến thiện tri thức, không muốn thân gần bạn đạo, không muốn đề khởi thoại đầu, chỉ thích nhàn rỗi buông lung. Nếu khi niệm thoái này phát khởi (là do dụng tâm quá độ, hoặc là nghiệp chướng sâu dày, cẩn lành yếu kém) thì chúng ta phải luôn luôn đến trước tượng Phật, bồ-tát chí thành cảnh lễ, đốt một nén hương, tò bày tội lỗi, cầu xin sám hối, rồi dỗng mãnh đề khởi thoại đầu. Niệm này như nước sôi làm tan băng giá. Bấy giờ chỉ thuần một niệm tịnh, người học cần phải biết rõ. Khi tôi mới gặp niệm thoái này, liền đốt hương tò bày sám hối, cầu Phật thương xót phù hộ, rồi liền đề khởi thoại đầu, niệm thoái này lập tức tiêu diệt. Đây là việc tôi đã trải nghiệm, xin ghi ra đây để sách tấn hàng hậu học.

H

5. Giải dãi khích lệ môn (Khuyên người giải dãi nên siêng năng)

Đây là giải quyết trường hợp không đắc lực. Nếu trên câu thoại đầu chẳng khởi nghi tình, hoặc là không đề khởi nỗi thoại đầu, hoặc lúc còn, lúc mất, hoặc chạy theo thanh sắc, hoặc phan duyên, hoặc thích ngủ nghỉ. Đó đều là do lười biếng, buông lung thân tâm; đối với việc sinh tử, dụng tâm không tha thiết, dính mắc mọi nơi, cho nên không đắc lực. Khi công phu chưa thuần thực, hai thứ bệnh này thường dậy khởi. Tôi để tâm vào câu thoại đầu, quyết khởi nghi tình, không cần phân biệt, bài xích thị phi. Một khi nghi tình phát khởi, niệm này liền tiêu. Những điều đã nói ở trên, đều không vì mục đích nào khác, chỉ nhằm quyết đoán chổ hạ thủ công phu cho người học, để tâm thanh tịnh, hoạt bát không có một niệm nào khác, bỏ hết những điều hiểu biết trước kia, từ học hỏi, từ lời Phật dạy, lời Tổ nói, lời Bách gia chư tử^[6], ngay lúc ấy tình thức bít kín, tâm thánh phàm dứt bặt. Đến đây tham thoại đầu, hoặc tham chữ “không” (vô), hoặc đề cử câu: “Muôn pháp về một, một về chổ nào” đều được. Một khi đảm đương thì phải phán chán, ra sức tiến thẳng đến trước, không quay đầu lại, về đến tận nhà, ngồi an ổn, mới là lúc an lạc thật sự.

H

6. Chấp ngại quyết nghi môn (Khuyên người chấp trước nên khởi nghi tình)

Hai công án trên đây, đều phát xuất từ hòa thượng Triệu Châu^[7], và đã được nêu ra nhiều trong chốn tòng lâm. Chữ “không” này, tôi thường thấy đồng đạo có các kiến giải chấp không, chấp có, chấp đoạn, chấp thường. Người chấp “không” cho rằng: “Ngài Triệu Châu nói “không” là muôn pháp vốn không, bỗn tánh vốn không, có gì mà nghi?”. Người chấp “có” nói: “Ngài Triệu Châu nói “không” là chỉ cho “có”, nói “không” là trong “không” tức “có”; vậy nghi điều gì?” Người chấp “đoạn” bảo: “Ngài Triệu Châu nói “không” là vạn hữu đều không, không có một cái gì để ta nắm bắt được, cần gì phải nghi?”. Còn người chấp “thường” lại bảo: “Ngài Triệu Châu nói “không” là chơn tánh thường còn, lặng yên bất động, nghi làm gì?”. Ôi! Do kiến giải thiên lệch, nên mới có sai lầm này. Nếu chủ trương chẳng cần dùng nghi tình mà được Vô thượng bồ-đề như thế, thì chỉ có Thiên sinh Di-lặc và Tự nhiên Thích-ca^[8] mới được mà thôi. Thí như những người có nghệ thuật tinh xảo ở thế gian, chưa ai không nghi mà thành tựu cả. Một chữ nghi này là tâm suy nghĩ dụng mưu, nghĩa đồng nhưng tên lại khác. Như trong hội Lăng-nghiêm, hai mươi lăm hành giả^[9] được viên thông, mỗi vị đều có nghi, nên mới chứng ngộ, việc này ai cũng biết, chẳng cần giải thích rõ.

H

7. Thất chính cứu cánh môn (Cứu cánh sai lầm)

Đây là trình bày việc tham chữ “không”, người học nghe bậc tôn túc nói nên đem chữ “không” này dán trên mắt, mắt liền thành chữ “không”, chữ “không” liền thành con mắt. Người học chỉ cần khán^[10] như thế liền lãnh hội được chữ “không”, rồi ngồi kết-già trên đơn, nắm chặt tay, cắn chặt răng, mở to hai con mắt mà nhìn chữ “không” này. Lúc nhỏ thì nhỏ như vi trần, lớn thì lớn như bầu trời, hoặc ẩn hoặc hiện đều nhận cho đúng, ngay đó công phu được đắc lực. Lại nghe người học nhò vị thầy khai phát: “Vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: “Con chó có Phật tánh không?”. Ngài Triệu Châu nói “không”. Thầy liền bảo đè khởi chữ “không”, người học tin nhận thực hành theo, rồi đi cũng chữ “không”, ngồi cũng chữ “không”, ăn cơm, mặc áo cũng chữ “không”, trong tất cả các thời đều khán chữ “không”, hoặc nhanh hoặc chậm. Lại tự nói: “Niệm chậm thì trong tất cả thời không niệm mà tự niệm, niệm chữ “không” này một cách linh hoạt, vô ngại. Lại nói: Khi niệm gấp, niệm hết một hơi mới dừng, xoay vần như thế, cho đây là công phu thuần thực.

Tôi từng nghe nói như vậy, rất sợ người học đời sau nhầm lẫn, nên mạo muội đưa ra hai ví dụ nhỏ để mọi người đều biết. Xét niệm chậm này giống như đứng trên cao ném hạt đậu, mặc tình vãng đến đâu đều không ngăn ngại. Còn niệm gấp thì giống như đứng trên lầu trống canh đánh một hồi, một hồi này

vừa dứt lại một hồi khác, đâu có lợi ích gì? Hai loại công phu khán và niệm chữ “không” nói ở trước, tú chúng^[11]thực hành theo rất nhiều, nói ra giống như chuyện đùa. Thật là đáng tiếc! Hoặc có người tham câu: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” Hỏi đến chỗ thích đáng để khởi nghi tình, liền nói lung tung, hoặc nói khởi nghi tình trên chữ “chỗ nào?”, hoặc nói khởi nghi tình trên chữ “một về”, hoặc cả hai câu, hoặc chỉ câu sau. Mỗi người chủ trương một đường riêng mà không thay đổi. Thật không thể hiểu được!

F

8. Triết để cùng uyên môn (Cùng nguồn tận đáy)

Tôi hổ thẹn lúc còn đang tu học, chưa được thăng đường nhập thất^[12] chỉ trộm nhìn ý thú ở đầu cửa mà thôi. Ví như người quản lí château cho nhà vua, château này vốn chẳng phải của anh ta, nhưng anh ta có thể phân biệt thật, giả, quý, tiện, khinh, trọng. Nếu quyền thuộc của vua cần lấy, liền theo ý mà cấp cho họ dùng, không lẩn lộn. Cũng giống như thế, diệu pháp vô thượng của Phật, Tổ chẳng phải của tôi, nhưng thứ tự công phu, tà, chính, sâu, cạn tôi cũng lược biết và trình bày cho mọi người hiểu. Tôi nguyện cùng với những đồng đạo giải quyết nghi tình này, nhất định không dối gạt nhau.

Vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Ngài Triệu Châu đáp: Không!

Vị tăng hỏi tiếp: Sâu bọ hàm linh đều có Phật tánh, vì sao con chó không có Phật tánh?

Ngài Triệu Châu đáp: Không!

Vị tăng ngay đó, nếu nói hiểu thì liền bị ngài Triệu Châu nhổ nước bọt vào miệng và mắng cho một trận thậm tệ. Triệu Châu phải im lặng, để lời này không lưu truyền ở đời. Vị tăng bấy giờ nếu không lãnh hội được lời này, toàn thân đều rơi vào nghi tình, liền không chê hai trăm sáu mươi đốt xương, tám vạn bốn nghìn lỗ chân lông, khiến hơi thở không thông. Vị tăng đưa tay nắm kéo ngài Triệu Châu lại và nói: “Phật dạy sâu bọ hàm linh đều có Phật tánh, vì sao hòa thượng nói con chó không có Phật tánh, là ý gì?” Ngài Triệu Châu lại nói: “Không!” Đến đây vị tăng nghi tình càng nặng. Ông đi cũng nghĩ: “Vì sao nói không?”, ngồi cũng nghĩ: “Vì sao nói không?”, mặc áo ăn cơm cũng nghĩ: “Vì sao nói không?”, khổ vui, thuận nghịch cũng nghĩ: “Vì sao nói không?”, cả ngày đêm mười hai thời không có khoảnh khắc nào tạm dừng. Chỉ vì không chấp nhận ngài Triệu Châu nói: “Con chó không có Phật tánh”, nên chỉ cần ở chữ “không” này mà đánh bại Triệu Châu, làm sao cho mọi người ghét mòn mỏi.

Dưới đây là trình bày chỗ dụng nghi của người học, cần phải để tâm xét kỹ. Khi dụng nghi, trước phải phát tâm phẫn nộ, nghi ngài Triệu Châu vì sao nói “không”? Tâm phẫn nộ này (*nếu không phát ra tiếng*

thì trong tâm uất ức; nếu phát ra tiếng mà bịt miệng mũi thì âm thanh phát ra như tiếng hàng phục hổ. Như người bị nhục, tâm nghi ngờ mà không giải quyết được đều có tiếng lòng uất ức này), hoặc nói ra, hoặc không nói ra, người học tự biết cách. Nghi ở đây là nghi vì sao ngài Triệu Châu nói “không”, chứ chẳng phải khán chữ “không” của ngài Triệu Châu. Ngày nay người học phần nhiều khán chữ “không” và niệm chữ “không” này. Thật là đáng thương xót!

Người học đạt đến chỗ này thì trong lòng tinh táo, cần phải xem lúc bấy giờ vị Tăng này có nghi tình chăng? Lại hỏi tiếp: “Sâu bọ hàm linh đều có Phật tánh, vì sao con chó không có Phật tánh?” Một câu này nghi thấu xương túy. Vị tăng cầm chết chú không muốn sống, bức bách ngài Triệu Châu phải bình tâm, thốt ra một chữ “không,” muốn thâu lại thâu cũng không được. Vị tăng ấy bấy giờ muốn chết, chết cũng không được. Từ xưa đến nay có nghi mà không giải quyết được. Vì thế, những điều mà người trước nghi túc là điều người ngày nay nghi, điều mà người ngày nay nghi chính là nghi điều mà ngài Triệu Châu nói. Bỗng nhiên từ khôi nghi vỡ ra một tiếng, thấy biết hết tin tức bên kia^[13]. Hãy thôi! Đừng nói nữa, nói nhiều càng xa đao.

H

9. Chỉ bốn hoàn chơn môn (Chỉ gốc về chơn)

Vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: “Muôn pháp về một, một về đâu?”. Ngài Triệu Châu nói: “Ta ở Thanh Châu may cái áo vải nặng bảy cân”. Vị tăng này lại nghi không giống vị tăng kia, khiến ngài Triệu Châu phải uổng phí động miệng lưỡi lần nữa. Nói áo nặng bảy cân thì không phải là một việc nhỏ, ý này là sao? Vì cân không đúng nên không người mua.

Xưa nay trong chốn tùng lâm phần nhiều nêu: “Muôn pháp về một, một về đâu?” “Một” này tôi không thể nói toạc ra. Sau thế hội được chỗ “về một”, sẽ khiến người học dễ rõ, dễ hiểu. Vì thế, kinh Pháp hoa ghi: “Chỉ một việc này thật, có hai thì chẳng phải chơn”. Một này chính là cội nguồn của chúng sinh, là diệu đạo của chư Phật, cũng là mẹ của muôn pháp, là chí tôn trong các thánh. Mê nó thì không thoát được luân hồi, ngộ nó thì liễu tử thoát sinh. Lại nêu: “Muôn pháp về một, một về đâu?”. Khi nghi, chỉ nên nghĩ trên chữ “một” này, “một” đó chính là tâm. (*Tâm này là tâm linh tri, chư chẳng phải quả tim, hay tâm phân biệt*). Tâm tức là một (*một là vua của các thánh, cho nên gọi là tâm vương*). Vì sao tôi phân tích kỹ như thế? Bởi sơ người học khi mới vào đạo, thưa hỏi mà thầy không nói rõ ràng về nghi tình, người học lại không biết thứ tự thưa hỏi. Vả lại, không gặp được bạn lành, rốt cuộc mặc dù nghe có thiện hữu tri thức, nhưng lại không thân gần, cầu xét đoán sự lý, dứt trừ nghi hoặc mà chấp lấy cái thấy của mình để rồi mai một đời mình, thật đáng thương xót!

Vì vậy, tôi chỉ muốn người học hướng vào chữ “một” này mà khởi nghi. Đầu tiên đề cử “Muôn pháp về một, một về đâu?” Hoặc đề cử ba, năm lần, tùy ý buông, nắm. Sau đó không nêu “muôn pháp về một,” chỉ khởi nghi tình trên chữ “một”. Nghi là nghi “một trở về đâu?” Ba chữ “trở về đâu” chính là nghiền ngẫm chữ “một” này hướng về đâu mà an thân lập mệnh. Nhưng không nghi trên ba chữ này, chỉ khởi nghi trên chữ “một”. Nếu sợ không khởi nghi tình trên chữ “một”, thì lại đề cử “rốt cuộc một về đâu?” Khi cử thoại đầu hoặc phát ra tiếng hay không phát ra tiếng đều được. Song không được quá gấp, cũng không được quá chậm. Như chuông khánh, nhịp đánh chừng mực, đều đặn thì âm thanh thuận mà hòa, cốt là khởi nghi tình trên câu thoại đầu. Dù đắc lực hay không đắc lực cũng phải thực hiện đúng như vậy. Không được tin lời người khác, rồi cho rằng: “Không cần mở miệng cử thoại đầu”. Nếu tin lời này, bịt miệng ngăn tiếng, sau ắt có bệnh.

H

10. Thuận tức miễn hoạn môn (Hơi thở thuận thì tránh được bệnh)

Giờ đây nói về việc người học thưa hỏi không rõ ràng, về sau mắc bệnh, làm tổn thương tâm, hại đến sức khỏe.

Chính tôi thấy các huynh đệ, người nào lặng lẽ không nói, sau này phần nhiều mắc phải bệnh ói ra máu. Gạn hỏi nguyên do, anh ta cho rằng thiện hữu tri thức không bao giờ mở miệng cử thoại đầu. Tôi thông thiết nói với anh ta: “Bệnh ấy chính là do khí làm tổn thương tim. Tim là chủ huyết mạch, tim không làm chủ được thì khí huyết chạy sai lạc. Điều cốt yếu là hơi thở bình ổn, huyết mạch thư giản, bốn đại điều hòa thì đạo mạnh”. Tạm đưa ra ví dụ, như ở đời có người mất một vật quý giá, ngày đêm tìm kiếm mãi, hoặc im lặng suy nghĩ, hoặc mở miệng hỏi han, hoặc buồn thương, than thở. Sau đó hoặc gặp người chỉ cho, hoặc nhìn quanh mà tìm được. Suy cùng sự lý như thế, mở miệng, ngậm miệng, nói nín, động tịnh đâu ngại gì đến nghi tình? Lại cùng với người học suy ngẫm đến cội nguồn của bệnh ấy, hoặc là do ăn no, gánh nặng, hoặc là do leo núi, chạy bộ. Bốn việc này là đầu mối để sinh bệnh, bốn việc này làm hơi thở ngưng trệ. Nếu không mở miệng phát ra tiếng đề cử thoại đầu, khí sẽ uất kinh trong ngực, làm tổn thương thân tâm, chướng ngại nghi tình. Như thế, vọng cho là do tọa thiền sanh bệnh, há chẳng phải là oan lầm sao?

H

11. Thượng căn khí môn (Căn khí bậc thượng)

Đoạn này nói về việc ba bậc thiện hữu tri thức nhập môn khác nhau, nhân duyên kiến đạo cũng sai biệt. Đó là có người từ kinh giáo mà ngộ đạo, hoặc có người do lực bát-nhã từ đời trước, cho nên không tham thiền mà ngộ đạo; hoặc có người do công phu tham thiền dũng mãnh chưa bao lâu mà ngộ đạo. Ba bậc thiện tri thức này chắc chắn không thể chỉ dạy công phu vi tế cho hàng sơ cơ. Nếu nói đến con đường hướng thượng của Thiền tông, tiếp hàng thượng căn thì được, còn căn cơ bậc trung, bậc hạ thì không thể. Cho nên, cổ đức nói: “Người học đạo nếu không có pháp nhãn, cần phải có con mắt du phương tham học”. Lại như Trọng Ni^[14] nói: “Nhìn nguyên nhân ấy, xem duyên do của nó, xét chỗ an trụ của nó”. Vì vậy, khi hành cước, chúng ta cần phải có con mắt du phương tham học chân chính.

H

12. Thiền lâm tĩnh lự môn (Nhà thiền tĩnh lặng)

Nay nói kỹ cương trong tòng lâm là việc tĩnh lặng ngồi thiền. Xưa nay, Phật pháp hưng thịnh, tùng lâm phát triển, trời rồng ủng hộ, thí chủ quy ·ngưỡng, vật dụng đủ đầy, thường trụ sung túc, nơi nơi tọa thiền thâu chúng, người người mộ đạo chuyên tu, hoặc năm ba trăm Tăng, hoặc một hai nghìn chúng. Hai chủ Đông, Tây^[15] lo toan liệu tính, trong ngoài nhất như, trải tâm như đất. Mỗi mỗi xem nhân biết quả, người người thấy đạo sáng tâm. Ba đức, sáu vị^[16], tứ sự, bảy báu gồm đủ không thiếu. Cho nên trong Tăng đường, bồ-tát học Bát-nhã, hai bàn tay không đụng đến nước, trăm việc chẳng để lòng. Ngoài hai thời cháo cơm ra, thì chuyên tâm nơi đạo. Bậc thượng căn chẳng lìa chỗ ngồi, chỉ một lòng tham cứu Nhứt thừa, ngày đêm tĩnh táo gìn giữ chính quán, mai sau phát minh việc lớn^[17], thành bậc đại pháp khí, thâu nhân kết quả làm bậc Tông tượng^[18] trong chốn tùng lâm, mở ra lò rèn lớn để tôt luyện người học.

Hạ thủ công phu, trước tiên bước lên thiền sàng, uy nghi cốt ở tinh thành, nên ngồi kiết già ngay ngắn, mắt nhìn thẳng vào mũi, mũi thẳng với rốn, răng khít, nắm hai tay, đợi hơi thở điều hòa mới đề khởi câu thoại đầu: “Vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không? Ngài Triệu Châu đáp: “Không”; không cần động miệng lưỡi, lặng lẽ tham cứu, lấy sự chứng ngộ làm kỳ hạn. Đây là nói về nghi thức tọa thiền trong tùng lâm để· mọi người đều biết.

H

13. Ước chính mạch môn (Ấn ước nơi chính mạch)

Đoạn này nói về chính mạch truyền thừa. Sau khi tổ Hoàng Mai [19] qua đời, trước khi Bá Trượng kiến lập tùng lâm, hoặc ba người, năm người ở trong chốn núi rừng canh tác, tròng trọt, không có thời giờ cắt móng tay mà lúc nào cũng chăm chăm ở nơi đạo, niệm niêm không quên. Thế là, người người đều thành bậc đại pháp khí. Về sau, mỗi người một phương, thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sinh. Khi người theo học đã đồng, bấy giờ ngài Bá Trượng mới kiến lập tùng lâm. Ở đây nêu ra việc các bậc tổ sư tiền bối ẩn cư tu hành nơi núi rừng, trong gian khổ mà thực hiện công phu để mọi người đều biết.

H

14. Kỳ Viên thánh chúng môn (Thánh chúng ở Kỳ Viên)

Đoạn này nói về khởi nguyên của cửa pháp bình đẳng. Đó là khi Đức Phật ở tại Kỳ Viên cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, nhất định hành khát thực là muốn giáo hóa thí chủ bỏ xan tham, tránh ba đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thức ăn xin được trong bát chia làm ba phần: Một phần ban cho loài quỉ đói, chim thú và cá, một phần ban cho người nghèo cùng đến xin, một phần thọ dụng dưỡng thân hành đạo, cầu Phật quả Vô thượng bồ-đề. Phật ôm bát ra khỏi Kỳ Viên, thường mang ba y, giữ gìn chính quán, mắt nhìn về phía trước sáu trửu^[20], không quay đầu, động chân cất bước nhẹ nhàng thanh thoát; buộc niệm, nhìn thẳng mà bước đi. Cho nên, ở bất cứ nơi nào dù đồng hay hạ, Phật và đại chúng đều nhập Từ tâm tam-muội này, như mọi người đều biết. Ba pháp môn này không ra ngoài Nhứt tâm. Phật tổ tùy thời, tùy căn cơ mà có phương tiện hành đạo. Người học không nên chấp chặt một bên. Ba pháp này, mỗi mỗi tôi đều phê phán, khiến cho bốn chúng học hậu học không mắc phải mê lầm.

H

15. Giác ngộ huyền tông môn (Giác ngộ tông huyền)

Nếu bàn về việc này, không phải ở chỗ ngồi thiền im lặng, không phải ở chỗ cày ruộng tròng trọt, cũng không phải ở chỗ đắp y, trì bát. Vậy hãy nói rốt ráo ở chỗ nào? (im lặng hồi lâu) Là gì? Là cái gì? Người học lãnh hội không nổi lý này, nên đề câu thoại đầu, khởi nghi như trước, không cần thuật lại. Chỉ cần người học biết rõ câu thoại đầu linh hoạt, không ngưng trệ một chỗ. Như đi, đứng, ngồi, nằm, mặc áo, ăn cơm, quét dọn, bửa củi, xách nước, đại tiểu, im lặng, động tĩnh, xoay người, cúi người, tiếp khách, khổ vui, thuận nghịch thảy đều có đạo ở trong đó, nên tự mình phải có phương tiện mới được. Người biết thực hiện công phu này, thí như người giỏi đá cầu, cầu chạm đầu đầu đội, chạm vai vai hắt, chạm khủy

tay khủy tay huých, chạm tay tay đánh, chạm gối gối tung, chạm chân chân đá. Xoay người đá một cái vượt khỏi cầu môn, vút lên tầng trời Ba Mươi Ba^[21], thẳng đến tầng trời thứ mươi tám^[22] rồi vượt qua Phạm thiên, lên tới Tứ Không thiên^[23] rồi trở lại chỗ ban đầu, cũng như vậy, không gì có thể bắt, không ai có thể ngăn. Vì sao? Vì tất cả đều do quá linh hoạt, cho nên ba cõi nắm bắt nó không được, vô tâm giữ nó không được. Nó có diệu dụng như vậy, tự tại như vậy, an lạc như vậy, nên chẳng là gì ba cõi thâu nó cũng không được, tận mươi phương hư không vi trán quốc độ cũng không thâu tóm nó được, nó mặc tình đến đi không gì ngăn ngại. Người học hãy nói cái ấy là trái cầu hay cái ấy là người đá cầu? Hiểu chăng, biết chăng? Hãy thôi! Hãy thôi! Nếu gặp A-dật-đa đích thân thọ ký, đưa ra ví dụ này, người học ngộ được không? Thông thường, tin và không tin đều xuất phát từ tâm của ông, không tin mà tin như gương chiếu gương, tâm và gương đều mất đâu cần nhọc công làm cho an tĩnh. Nếu bỏ có, lấy không, chấp pháp thành bệnh; trăm pháp^[24], mươi huyền^[25], nghìn kinh, vạn luận dẫn dắt người học đều trở về Thập tín^[26]. Nếu người thật tâm tin thì nhất định thành Phật. Hạnh giải tương ứng như ao đầm lắng trong, bóng trăng hiện rõ. Tin tánh tức tự tâm, tin tâm tức tự tánh; tánh vốn là tự tâm; tâm vốn là tự tánh, tâm tánh như nhau, tự tin tự kính.

H

16. Quy nguyên thật tế môn (Trở về nguồn thật tế)

Phần trên đã trình bày không phải là bản ý của tôi, bởi nghiên cứu tất cả Thánh điển, xem đọc các loại sách vở, nêu việc xưa, chứng nghiệm việc nay, cộng với việc thấy nghe chính xác mới thấy phần nhiều bốn chúng đều dụng tâm sai khác, kiến giải thiên lệch, tà chính không biết, đúng sai chẳng phân. Than ôi! Sinh nhầm đời mạt pháp, cách Phật rất xa, không hiểu trước mắt vạn duyên sai biệt. Do đó chỉ riêng người thực hành công phu, tuy tham câu thoại đầu khác nhau, nhưng chỗ dụng tâm khởi nghi không khác, tất cả thoại đầu cần khởi nghi. Thế nên cổ đức nói: “Không nghi, không ngộ”, trước kia đã chẳng nói như thế sao? Chưa ai không nghi mà thành tựu được việc lớn. Vì thế cần đầy đủ chính tri kiến để chẳng bao giờ rơi vào trong hang ổ chồn hoang, mất đi một đời. Đâu chỉ dừng lại một đời mà đến trăm nghìn vạn đời, chủng tử bồ-đề cũng không nảy nầm. Chúng ta ở địa vị người học không nỡ thấy nghe việc này. Giữa hai đường, nên quyết nghỉ trừ mê hoặc, trước nên đem những lời cảnh chúng, những cơ duyên thí dụ trong kinh giáo và ngũ lục của Phật, tổ cùng chỗ tôi thực hành công phu đắc lực, mỗi mỗi đều đưa ra cho người học đời sau thấy. Như ngay một lời, tâm địa khai thông; nơi một câu, tánh thiêng^[27] bừng sáng, mới không phụ chí nguyện tham học một đời. Nếu tâm địa không mở thì tánh thiêng không sáng chói, mỗi mỗi nắm chặt đầu dây, rồi như con mèo vọt thẳng. Bỗng nhiên như lại gặp bạn lành chỉ ra

nhân trước. Ngay một niệm khế hợp, ngày tiêu muôn lượng vàng ròng. Ngay lúc đó, ba ác đạo đồng chứng Bồ-đề, bốn ân trọng cùng lúc đền đáp.

Trí Triệt tôi cũng chỉ là đồng học, mong các bậc trí quan tâm dùu dắt. Thệ rằng ở đời sau ở chỗ nào cũng đồng là bạn pháp. Kệ rằng:

Xưa nay hiếu kính, lý sự viên dung,

Thể dụng song tu, thầm giúp Vương hóa^[28].

Lời dạy Ta-la^[29], tú chúng đều tuân,

Pháp môn sám hối, hạnh nguyện Bồ-đề

Nhớ xưa xuất trần nhờ huynh răn nhắc

Lại ngăn biếng trễ, dừng cảnh dứt mê

Xưa nay hiếu kính, lý sự viên dung.

Ở trên đã trình bày thứ tự động tịnh của công phu tham thoại đầu, và trình bày chi tiết về sự hoạt động hoặc nghỉ ngơi của tú chúng mới vào đạo. Dưới đây sẽ trình bày cho người học về căn bản, đầu cuối, nguồn gốc, chỗ đến.

Thế nào là căn bản? Năm giới là căn bản. Thế nào là đầu cuối? Tâm lâu dài không thay đổi là đầu cuối. Thế nào là nguồn gốc? Việc từ kiếp Không trở về trước^[30] là nguồn gốc. Thế nào là chỗ đến? Nơi một việc lớn này dừng là chỗ đến. Người học muốn biết rõ nguồn gốc và chỗ đến của một việc lớn này thì nên kiên trì giữ gìn năm giới, tinh cần tu tập mười thiện, ý không dong ruỗi ngoại cảnh, tâm không tán loạn, dù động hay tĩnh, nhàn rỗi hay bận rộn, luôn luôn giữ chính niệm, mới có chút phần tương ứng với công phu nêu trên. Ở trên đã nói bốn chúng là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Trước trình bày hai việc của người tại gia:

1/ Đứng đầu là hiếu thuận cha mẹ, kính trọng, lục thân^[31] quyền thuộc nội ngoại.

2/ Phải biết thứ bậc cao thấp, quý tiện trong phố phường, hàng xóm; khiêm nhường, nhân từ, trên dưới hòa kính.

Đây là tấm lòng người con hiếu thuận đối với cha mẹ. Người đời thường nói đến hai chữ hiếu thuận này, mà không biết lý đó rất ưu việt, rất rộng lớn. Đối với thân thì cung cấp ăn uống, y phục, giường chiếu, thuốc men, còn đối với tâm thì phải kính trọng, phụng dưỡng, hầu hạ, đó là hiếu. Thuận là tùy thuận nét mặt và ý thích hợp lý của cha mẹ, làm những việc không trái ý cha mẹ. Nếu có tâm hiếu thuận như thế, thì trên dưới hòa kính và cha mẹ an lòng. Đây là đạo hiếu kính tốt đẹp ở thế gian, cũng đâu có khác lẽ

trời? Nếu lại thêm trì trai, giữ giới, niệm Phật, tham thiền, cầu pháp Đại thừa để liễu sinh thoát tử, thì thật là đại hiếu, đại thiện, thuộc về đạo xuất thế gian. Bốn ân đã báo đáp, ba cõi đã cứu giúp thì lo gì không báo đáp công ơn cha mẹ một đời sao? Dưới đây giải thích năm giới phối hợp với năm thường. (Ngũ thường của Nho giáo)

1/ Không sát sinh nên gọi là nhân

2/ Không trộm cắp nên gọi là nghĩa

3/ Không tà dâm nên gọi là lễ

4/ Không uống rượu nên gọi là trí

5/ Không vọng ngữ nên gọi là tín.

Bốn chúng đã muôn niệm Phật, tham thiền, nên kiên trì giữ gìn năm giới này. Về giới tà dâm, trong giáo lý của Đức Phật cho rằng hai chúng tại gia không thể giữ gìn trọn vẹn, nên chỉ nói giới tà dâm, để tùy thuận tu hành. *Kinh Lăng-nghiêm*: “Người đời không cầu xuất gia, không thể xả bỏ ân ái đối với thê thiếp, nhưng tâm không nên khởi tà dâm. Nếu tâm lặng trong sáng tỏ, khi mạng chung được sinh về cõi trời Tứ Thiên Vương. Nếu có thể giữ gìn trọn vẹn, không phạm, tinh tấn niệm Phật, khi lâm chung chắc chắn sẽ hóa sinh trong hoa sen ở cõi Cực Lạc, quyết không nghi ngờ”. Giới dâm dục này hai chúng xuất gia không dám trái phạm. Những người xuất gia thoát ly thế tục, đầu tròn áo vuông, nhập thánh siêu phàm, gọi là Tăng bảo. Nói là “bảo”, bởi vì như chư ma-ni trong sáng, khiến người thấy thì mắt thanh tịnh, nghe thì tai thanh tịnh, nói đến thì lưỡi thanh tịnh, chạm đến thì thân thanh tịnh, còn gọi là Phúc-diền tăng. Nếu có người tán thán, cúng dường thì được phúc-báu vô lượng. Thí như một hạt giống gieo xuống ruộng tốt, thì thu hoạch vạn hạt, cho nên Tăng bảo là ruộng phúc tốt cho chúng sinh. Do đó, người xuất gia, khởi tâm động niệm liền gọi là phá giới, kể cả giới tà dâm.

Năm giới đứng đầu là sát sinh, còn năm thường đứng đầu là nhân, cho nên không sát sinh có thể gọi là nhân. Nhân là từ, là nhẫn nại, là bác ái, thích sự sống, ghét sự chết, cho nên nói: “Thấy nó sống không nỡ thấy nó chết, nghe tiếng nó không nỡ ăn thịt nó”. Thế nên bậc quân tử xa rời nhà bếp là chỗ sát sinh. Đây là lời răn về nhân.

Nghĩa là lễ nghi, bình đẳng, đại dụng. Việc thích hợp, nên làm thì làm; vật đáng dùng, nên lấy thì lấy. Việc bất nghĩa thì không làm, vật phi nghĩa thì không lấy, cho nên bậc quân tử thấy lợi thì nghĩ đến nghĩa. Vào thời của Khổng Tử, người ta đi trên đường không lượm của rơi. Khổng Tử nói: “Bất nghĩa mà giàu, đói với ta như mây trôi”. Đây là lời răn về nghĩa.

Lễ là trung, là noi theo, là đại lễ. Gia Ngữ nói: “Xưa ở nước Lỗ, có một người nam sống độc thân, người góa phụ ở gần cũng sống một mình, vào một đêm gió mưa bão bùng, ngôi nhà người góa phụ sụp đổ, bà ta chạy đến xin trú nhờ nhà người nam. Người kia đóng cửa không cho vào, người góa phụ oán trách: “Sao ông bất nhân không cho tôi vào?”. Người kia trả lời: “Ta nghe rằng nam nữ chưa tới 60 tuổi không được ở chung, nay cô còn trẻ, ta cũng còn trẻ. Đó là lý do ta không cho vào”. Người góa phụ so sánh: “Sao ông không bằng Liễu Hạ Huệ vậy?”. Người kia nói: “Liễu Hạ Huệ thì được, còn ta thì không được. Ta muốn lấy cái không thể của ta mà học cái có thể của Liễu Hạ Huệ”. Khổng Tử nghe lời đó nói: “Hay thay! Người muốn học theo Liễu Hạ Huệ, chưa có ai giống như vậy”. Thế thì đâu có việc tà dâm! Đây là lời răn về Lễ.

Trí là huệ, là minh, là cao siêu; tri là hiểu biết, giống như mặt trời vậy. Người có hiểu biết, như trên hư không có mặt trời. Dưới chữ tri (知), viết chữ nhật (日) là chữ trí (智). Mặt trời trí huệ trên không, soi sáng tất cả chỗ tối tăm. Vì thế, do uống rượu làm hỗn loạn chân tánh thì tâm trí huệ không tỏ. Mây che thì mặt trời trí huệ không sáng. Cho nên, kinh nói: “Uống rượu là phạm 36 trường hợp mất công đức.” Cho nên, trong kinh Thư cũng nghiêm cấm uống rượu. Hi Hòa^[32] đam mê rượu, làm nhục thân bại đức, cho nên vua Vũ ghét rượu ngon mà thích nghe điều thiện. Lương Võ Đέ, 46 năm không nếm ngũ tân^[33] và rượu nồng. Vua cho rằng: “Không uống rượu thì không bị hôn mê làm chướng”. Khổng Tử nói: “Không bị rượu làm khốn đốn”. Tất cả đều cho rượu làm mờ tâm, loạn tánh. Các bậc thánh đều ngăn uống rượu. Đây là lời răn về trí.

Tín là thành, thật, chân. Xưa có hai bậc hiền sĩ họ Phạm và họ Trương, trên đường đi xa nghìn dặm, ước hẹn với nhau nửa năm gặp lại. Họ Phạm nói: “Ngày 15 tháng 9 sẽ đến hòu chuyện”. Họ Trương chuẩn bị tiệc đãi khách. Đúng ngày họ Phạm đến, là bậc quân tử chân thành, nên không nói dối. Đây là lời răn về tín.

Lời răn về năm thường là điều thiện để sửa trị thế gian, thuận theo lẽ trời mà làm, giữ đạo thiện đến chết. Nếu có chút sai lầm thì tán thân mất đức, không có đạo thiện xứng đáng để làm gương cho người đời sau. Huống gì trong giáo pháp của ta, bốn chúng đều niệm Phật, tham thiền, muốn cầu diệu đạo vô thượng! Đó là đại thiện, đại nhân duyên xuất thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, đến bờ niết-bàn đại an lạc. Nếu người không tuân thủ năm giới này mà muốn thoát luân hồi đến bờ niết-bàn thì không thể nào được.

17. Thể dụng song tu, âm dục vương hóa (Thể dụng song tu, thầm giúp vua trị quốc)

Đoạn này nói về công đức của mười thiện.

Mười thiện vốn đồng thể với mười ác, chỉ theo duyên nhiễm tịnh mà có tên gọi khác, như nắm tay-xòe tay, chỉ một thể mà tác dụng là ở nơi buông-nắm của con người. Buông là mười ác, nắm là mười thiện. Mười ác gồm ba nghiệp ác thuộc về thân: sát sinh, trộm cắp, dâm dục; bốn nghiệp ác thuộc về khẩu: nói dối, nói thêu dệt, nói đồi chiềng, nói ác độc; ba nghiệp ác thuộc về ý: tham lam, sân hận, si mê. Dứt mười ác, tức có mười thiện. Năm giới là thể, mười thiện là dụng. Thí như mọi người đều có thân, nhất định dùng tay chân. Nếu thân không có tay chân thì làm sao hoạt động được, tay chân không có thân thì gá vào đâu? Tay chân nương vào thân thể, phát động tác dụng đến muôn pháp, an lập thế giới. Việc này rõ ràng không đáng nghi.

Người học nhất định lấy năm giới làm thể, mười thiện làm dụng. Thể-dụng song hành mới thành tựu Phật sự. Nếu tất cả người đời chuyên trì năm giới, tinh ròng mười thiện, trong các việc nghè nghiệp, kinh doanh, sinh hoạt luôn gìn giữ bản thân, điều tiết sinh hoạt, hiếu dưỡng cha mẹ, thì việc này cảm đến tám bộ^[34]: trời, rồng, v.v ... xuống Diêm-phù-đè để ủng hộ thế gian, mưa thuận gió hòa, mùa màng sung túc, thiên hạ thái bình, muôn dân lạc nghiệp. Nay lấy điều thiện này nguyện cho bậc tri quốc lấy bốn biển làm nhà, lấy nhân dân làm con, để gièng mỗi quốc gia được chấn hưng mạnh mẽ; các nước đến giao hảo, đạo đức tiếng tăm vang khắp, mười phương quy thuận, không thi hành những hình pháp mà tự nhiên đạt đến thái bình, phúc-thọ vô cùng, non sông một mối; cành vàng xinh đẹp, lá ngọc tỏa thơm; ngọn gió Nghiêng^[35] mãi mãi lan xa, mặt trời Thuấn^[36] luôn luôn sáng tỏ.



18. Song lâm di giới chúng đẳng tôn y (Lời di huấn ở rừng Ta-la mọi người tuân theo)

Kinh nói: “Không trì năm giới trì thì cắt đứt con đường nhân, thiên”. Năm giới là đầu tiên của các giới, đứng đầu của muôn thiện. Kinh lại nói: “Giống như làm nhà, trước phải xây nền móng kiên cố. Nếu xây nền trên hư không thì không bao giờ thành tựu”. Xưa kia ở Song Lâm, lúc sắp nhập Niết-bàn, Thế Tôn nói với đại chúng trời người: “Sau khi ta diệt độ các ông nên nương vào ba-la-đè-mộc-xoa, đó là thầy của các ông”. Ba-la-đè-mộc-xoa tức là giới này. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn không chỉ nói sự trì giới này cho đại chúng trời người ở hội Niết-bàn nghe mà còn cho cả chúng ta ngày nay nữa. Giới này Phật Phật trao nhận, Tổ Tổ truyền nhau. Người học muốn niệm Phật, tham thiền để thấu tỏ việc lớn, thì cần phải tuân thủ giới này. Nhất thiết không thể nghe bọn tà sư, kẻ tà kiến cho rằng nói dối, uống rượu, ăn thịt không

chướng ngại Bồ-đề; trộm cắp, hành dâm không phuong hại đến bát-nhã. Họ là tội nhân ở địa ngục, la-sát, quyền thuộc của ác quỷ, chẳng phải đệ tử Phật, trộm bàn pháp môn, vọng nói bát-nhã, làm bại hoại niềm tin thuần thiện của mọi người, cắt đứt huệ mạng chư Phật, những người đó sẽ đọa địa ngục Vô Gián, vĩnh viễn không có ngày ra.

Người học trong bồn chúng đã vào pháp môn chân chính, cần đầy đủ kiến giải chân chính. Cho nên kinh nói: “Thân người khó được, chính pháp khó gặp.” Ngày nay may mắn được thân người, lại gặp chính pháp, nếu thấy kẻ tà kiến như thế, cần phải có con mắt sáng suốt. Tại sao tôi phải nhọc sức nêu việc này? Vì e rằng người sơ cơ học đạo chưa hoàn toàn có lòng tin chân chính gặp phải những người cho tà pháp là chính, cho chính pháp là tà, sao chép kinh điển thì đoạn trước đặt ra sau, đoạn sau để lên trước, lời nói không chính xác, khiến cho người nghe theo những lời cuồng này, không hiểu, không biết, buông lung thân tâm. Như đổ dầu vào bột mì, thì không thể phân ra được, khiến phải lầm lạc một đời; lại đâu chỉ một đời mà vĩnh viễn trăm kiếp, nghìn đời là con cháu của ma. Thật đáng thương xót thay!

Tôi đã từng thấy bọn người này, họ ngậm miệng, đớ lưỡi, không có lời để thi tho, chỉ chắp tay, xoay người chạy xa. Vì sao? Vì đến chỗ này thì không có cửa để vào, không có nơi để dừng chân, không có chốn để lập thân, không có chỗ để mở miệng. Vì sao? Vì tà không phạm đến chính. Há không nghe Cỗ đức nói: “Bản lãnh của các ông có hạn, việc không thể nói của ta thì vô cùng”. Đúng thay lời nói ấy! Trước đã nói về năm giới. Ngăn tà, dừng ác nên gọi là giới.

H

19. Pháp môn sám hối, hạnh nguyện Bồ-đề

Một ngày sáu thời, người học nên đến trước tượng Phật, Bồ-tát, năm vóc sát đất, đốt nén hương tò bày sám hối. Ngay đó thỉnh Tam bảo chứng minh, xưng tên và pháp danh, quỳ dài chắp tay thỉnh cầu:

Qui y tất cả chư Phật trong vi trùn cõi nước ở khắp mươi phương hư không.

Quy y tất cả tôn pháp trong vi trùn cõi nước ở khắp mươi phương hư không.

Quy y tất cả hiền thánh tăng trong vi trùn cõi nước ở khắp mươi phương hư không.

Cúi xin Tam bảo chẳng bỏ lòng từ, xót thương giáng lâm chứng minh sám hối. Con tên từ vô thi cho đến ngày nay, nghiệp chướng nhiều đời, tội lỗi nhiều kiếp, ba độc vô minh, mươi ác chướng nặng, tạo ra vô lượng vô biên tội ác, bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả thuyết chuyển[37]. Hôm nay, chúng con gội rửa thân tâm, đối trước mươi phương các Đức Phật, các đại bồ-tát, Đại từ bi phụ linh cảm Quán Thế Âm bồ-tát, thánh chúng, năm vóc sát đất, tò bày sám hối, một lòng nương tựa, hằng hà sa tội diệt. (hai

câu trên đây đọc lại ba lần.) Chỉ xin các Đức Phật, các đại bồ-tát dùng thiên nhãn thấy xa, thiên nhĩ nghe xa, và tha tâm nhanh chóng chiếu soi, gia hộ chúng con tu hành theo thứ tự, tiến đạo không ma chướng, sớm sáng tỏ trí bát-nhã, không lui sụt tâm Bồ-đề, sáu căn thanh tịnh, mọi lo lắng đều tiêu, một niệm vô vi, mười phương quét sạch, siêu việt ba cõi, sớm lên bờ giác, vượt thoát tử sinh, mau đến Bồ-đề. Nếu đời nay chúng con duyên mỏng, đạo nghiệp chưa thành, họ mang ngắn ngũi, khi vô thường đến, nguyện nương theo lực bát-nhã, được chính niệm hiện tiền, tâm không điên đảo, theo nguyện vãng sinh cõi Phật. Sau đó đánh lễ Phật, bồ-tát và được các Ngài đích thân dạy bảo, y theo nguyện tu hành, vẫn trở lại thế giới Ta-bà, sinh làm thân nam trong nhà trưởng giả, tu mười điều thiện, giàu có ở đô thị, không quên đời trước, chỉ mong cha mẹ không có tâm lưu luyến, cho con xuất gia. Tuổi nhỏ vào đạo, trí tuệ hơn người, sớm gặp minh sư, tham thiền học đạo, tinh thông giáo điển, thấu suốt kinh Phật, chỉ học Thượng thừa, chuyên ròng yêu chỉ, hoặc ngay một lời mà thấy suốt nhân nhiều kiếp. Hoặc trong một câu mà thấu triệt quả nhiều đời, sáng suốt tỏ rõ, đến đi tự tại, tùy ý thác sinh cõi Phật, cõi trời, báo đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi, pháp giới hữu tình đồng thành chung trí. Xin chư Phật chứng minh, mười phương ba đời tất cả các Đức Phật, các vị bồ-tát ma-ha-tát, Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật.

Tôi nêu những việc thông thường để hướng dẫn hàng sơ cơ, kính nhờ những bậc cao minh trình bày lại cho đàn hậu học. Thẹn vì ngôn từ nhiều mà nghĩa lý còn chưa tỏ, thành thật kính mong các thiện hữu đính chính để người thấy nghe tùy hỉ, đều bước lên thuyền từ bát-nhã, khen ngợi tán dương, cùng chứng Bồ-đề.

F

20. Úc tích xuất trần thừa huynh cảnh giới (Nhớ xưa xuất trần nhận lời dạy của người anh)

Từ năm Ất Hợi niên hiệu Nguyên Thống thứ ba (1335), Trí Triệt tôi đã thọ năm giới tại gia, đến tháng 5 năm Canh Thìn (1340) vào chùa, mùng 8 tháng 12 xuống tóc làm tăng, đánh lễ cầu hòa thượng Vân Phong làm thầy. Ngày rời nhà, nhận lời dặn dò ân cần của người anh kế là cư sĩ Lê Thập: “Việc xuất gia chẳng phải là nhân duyên nhỏ, là việc nhập thánh siêu phàm, nối tiếp huệ mạng chư Phật. Đây là việc của bậc đại trượng phu, nên phải gắng sức làm. Nay em đã dám xa lìa cha mẹ anh em, vứt bỏ vợ con gia nghiệp mà lại không nghe Cổ đức nói: “Một người xuất gia, chín đời[38] được sinh thiên” ư? Lời nói này nhất định là thật. Đã là thật mà anh thấy trước mắt biết bao nhiêu người xuất gia, tất cả việc làm của họ đều chỉ mong muôn chín đời sinh thiên thì nhất định không thể được! Em đã xuất gia phải nêu lập chí, chớ giống những vị tăng tầm thường, tâm ý dong ruỗi, chạy đông, chạy tây, cầu danh trực lợi, luồng uổng thời gian; cũng chớ tranh nhân-ngã, bàn luận phải trái, không khen mình chê người. Khi bị đánh thì

đương đầu nhẫn chịu, bị nhổ nước bọt lên mặt thì không cần lau chùi (*bị sỉ nhục không cần giải bày*); chớ buông lung ngủ nghỉ, chớ tham cầu uống ăn, việc đời nhiều thứ không thể kể xiết. Rời khỏi nhà đi bước đầu tiên, nhắc chân, đặt chân, đi, đứng, ngồi, nằm đều phải nhớ kỹ câu thoại đầu. Nếu quên câu thoại đầu thì cô phụ sự che chở của quốc vương, đất nước và cô phụ thí chủ đã cung cấp tú sự: ăn uống, quần áo, mền chiếu, thuốc men. Giữ thoại đầu này, cùng sống cùng chết với nó, phát chí nguyện lớn, chỉ nên hiểu một đại sự nhân duyên này mới không phụ chí nguyện xuất gia tham học của em. Cho nên kinh nói: ‘Báo đáp hết bốn ân, cứu giúp thảy ba cõi, lo gì không báo đáp ân cha mẹ hiện tại và chín đời?’ Đã ở trong cõi khổ nhiều, vui ít, dù có sở đắc, hoặc không sở đắc, cũng phải giữ gìn thoại đầu. Nếu có chỗ nhập môn an lạc thì nhất định trở về chỉ dạy quyền thuộc”.

Trí Triệt tôi mặc nhiên tiếp thu lời dạy trên. Vừa ra khỏi cửa vài bước thì cư sĩ vẫy tay nói: “Một trở về đâu?”. Tôi quay đầu chắp tay bái tạ, thầm nhận rồi đi. Tôi khắc cốt ghi tâm, đến nay không dám quên. Những lời dặn dò việc đời, răn nhắc công phu, chi tiết từng điều có thứ tự, nếu ghi chép hết lời nhỏ nhặt ra thì rất nhiều. Ở đây, lược ghi vào cuối sách này vậy.

H

21. Phục trường giải nọa, chỉ cảnh, tức mê (Lại răn nhắc sự giải đãi, dừng cảnh, dứt mê)

Ở đây tiếp tục nói đến việc đã đề cập ở trên. Trong cuộc đàm đạo vào đêm Tự tú^[39], tại thiền đường ở sơn phòng^[40], thủ tọa^[41] Độn Cơ thốt lời cảm thương người học: “Gần đây xã hội chuyển biến, lòng người thay đổi rất nhiều, Phật pháp suy vi, chùa chiền hoang phế, thiện tri thức không xuất hiện, nên không thể tìm được người có chính tri kiến khai thị con đường thẳng tắt pháp môn Niệm Phật, Tham thiền cho bốn chúng hiện tiền học Phật”.

Do đó đến thưa với tôi rằng: “Xin hòa thượng ghi lại thứ lớp cảnh giới công phu đắc lực trước đây của mình và lời răn dạy từ người anh ruột trong ngày xuất gia để chỉ bày cho người sơ cơ học đạo, giúp họ thêm tinh tấn. Được vậy thì thật là may mắn! ”.

Tôi trả lời: “Từ xưa đến nay có rất nhiều pháp ngữ dạy chúng của bậc tôn túc và thiện tri thức mà chúng sinh còn chưa tin. Huống gì tôi xuất gia muộn màng, hạnh giải nông cạn, luồng uổng cửa Không, chẳng giúp ích gì cho giáo pháp! Tuy để tâm lâu ngày trong pháp môn, nhưng chưa đạt đến chỗ tốt cùng của lý đạo. Tự thẹn lời lẽ tầm thường, đức hạnh mỏng manh, việc này đâu dám vâng làm!”.

Thủ tọa nói tiếp: “Người học bây giờ, có kẻ thích nghe nhiều, có kẻ cẩn tánh chậm lụt, xem những lời răn dạy của bậc tôn túc xưa kia mà cho rằng: “Sức trí tuệ của bậc thiện tri thức ấy có gốc rễ sâu dày, mới vào

đạo không cần gia công, chỉ vừa nghe liền liễu ngộ. Căn cơ nồng cạn như chúng ta không thể làm được. Ngày nay, chúng ta hãy gieo hạt giống bát-nhã, đợi kết quả ở đời sau". Văn Mẫn tôi thấy rất nhiều người nói như thế, thật đáng thương cho họ đã tự sinh tâm thoái lui. Nếu đem chỗ công phu miên mật trước kia của Hòa thượng trình bày qua một lần cho người thính nghe, nhất định họ sẽ khai phát tín tâm, rồi như thế mà dụng công, tinh tấn và đạt đến rốt ráo. Nếu như trong túi chúng ở đời sau, mỗi người có chứng đắc, liễu sinh thoát tử thì ân đó chẳng lớn sao?". Tuy Thủ tọa hết lòng vì người học, nhưng tôi thật chưa dám gánh vác.

Hôm sau, thời cháo sáng xong, tôi lên phương trượng của hòa thượng Cổ Đạo thăm hỏi. Hòa thượng và tôi đã 17 năm thân tình. Nhân đó, tôi nêu ra những việc thủ tọa Độn Cơ đã nói. Hòa thượng cũng cho rằng: "Phật pháp đang đứng bên bờ nguy khốn, nên việc này sẽ là khuôn mẫu cho hàng sơ cơ học đạo".

Tôi liền đáp: "Người tự cứu mình chưa được thì làm sao có thể cứu người khác. Kinh có ghi rõ: Bản thân mình không tinh tấn thì làm sao khuyên người khác tinh tấn được".

Hòa thượng lại nói: "Trong kinh cũng nói: "Mình chưa độ mà độ người là bồ-tát phát tâm". Bậc tiên nho cũng nói: "Đâu nỡ ngồi yên nhìn hơn thua, thấy nghiêng mà không giữ, ngã mà không đỡ".

Tôi từ chối không được, quay về sơn phòng, khơi thông sáu căn, mở lộ mắt tuệ, tự tại tiêu diêu, không trói, không buộc; bẽ gãy khóa xích tâm viễn, mở toang cửa ngăn ý mã, mặc tình đến đi không ngại, từ đây hoàn toàn vui sướng. Thế là không nỡ an nhàn, cho nên đề khởi công án cũ mục đã tham cứu trước kia, náo loạn người học một phen! Nhưng dùng chính nhãn quan sát khắp thì lại là đất bằng mà nổi sóng gió, nắm lấy tay chân người học đánh đập lung tung, khiến cho họ không có chỗ thi tho. Đến đây lại cần phải chấn chỉnh an định cho họ. Chỗ chân thật liền bảo là chân thật. Hãy nói việc chân thật này, làm sao giao phó cho người học? Tỉnh táo nắm ngay việc chân thật. Mỗi mỗi hãy nỗ lực đảm đương và ghi nhớ câu "Vạn pháp trở về một, một trở về đâu?" Bắt đầu hôm nay, từ sáng đến tối từ tối đến sáng, lên giường xuống giường, ra cửa vào nhà, động tĩnh, nhàn rỗi bận rộn đều nên đề cử câu thoại đầu miên mật, không gián đoạn, nói nín tùy ý.

Nếu đến nơi lê Phật thì buông ngay câu thoại đầu, chí thành phát nguyện sám hối, nguyện xong đến đoạn Ba-la-mật thì tiếp tục đề khởi thoại đầu. Hoặc tụng kinh, khi hết quyển, đến đoạn Ba-la-mật cũng y như trước. Hoặc lúc công việc bận rộn thì tự xem xét bản thân.

Lại nói với người học: Văn tự, lời nói không thể diễn tả hết những cảnh giới khi tham thiền, nên chỉ lược nói ra đây. Nếu bàn luận đến chỗ sinh khởi cảnh duyên thì tất cả đều xuất phát từ tâm, nếu tâm không sinh thì cảnh từ đâu khởi? Nên kinh nói: "Tất cả biển nghiệp chướng đều từ vọng tưởng sinh". Lại nói: "Hễ có tướng đều là hư vọng". Lại nói: "Không bao giờ nên nắm bắt tất cả cảnh giới".

Tôi thấy đa số người học nghe nói đến cảnh giới là có, thì sinh hoan hỷ, nếu nói cảnh giới hư vọng không thật, liền sinh phiền não. Cảnh giới đều từ hôn trầm, tán loạn khởi lên. Hôn trầm do tâm lười biếng mà có, tán loạn do tâm phóng túng mà sinh. Tâm lười biếng là nguồn của hôn trầm, tâm phóng túng là gốc của tán loạn. Do đó, nếu hôn trầm thì cảnh sai biệt, tán loạn thì thể khác nhau, đều từ vọng tưởng trong khoảnh khắc mà biến hóa vô số. Nếu tâm không vọng động thì đâu như thế? Khi hai tâm này phát sinh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy phần chấn tinh thần, khiến cho thân tâm thoải mái, đề khởi thoại đầu, dỗng mãnh khởi nghi tình thì niệm này liền tiêu mất. Nếu có người không tin lời nói này, họ lại dẫn chứng *kinh Lăng-nghiêm*, cho là thật có năm mươi loại ám ma. Há không nghe Thế Tôn nói với ngài A-nan, 50 loại ám ma này đều là năm uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức do vọng tưởng mà thành. Khách tràn che lấp chủ nhân, nếu mê thì khách thưa cơ hội nhảy vào quấy nhiễu

Đến đây quét sạch kiến chấp phàm thánh, quét hết dấu vết cho người học. Hãy nói cái gì là chủ? Đó là “vạn pháp về một, một về đâu?”. Cái gì là khách? Đó là vừa động tâm, phiền não liền dây khởi. Chỗ này, tuy thể không hai, nhưng dụng chẳng phải một. Hoặc có người tham chữ “không”, hoặc có người tham câu “bản lai diện mục”, hoặc có người tham cứu câu “niệm Phật là ai ?”, công án tuy có khác nhưng chỗ nghi chẳng khác. Cho nên kinh nói: “Trở về nguồn thì tính không hai, nhưng phương tiện có nhiều cửa”. Vì thế, người học gìn giữ câu thoại đầu của mình, dỗng mãnh dồn ép, khi đến chỗ không dồn ép nữa thì bỗng nhiên toàn thân thấu suốt, đến thẳng bờ kia, lên cô phong ^[42]cát am tranh, quở Phật, mắng Tổ. Nếu đạt đến mức độ này, nói cảnh giới Phật là cảnh giới ma cũng được, nói cảnh giới ma là cảnh giới Phật cũng được. Cho nên nói: Hành động nghịch, mà giáo hóa thuận, quỷ thần không thể lường được việc làm của người này. Nếu chưa đạt được như thế thì “Rất cẩm kỵ, rất cẩm kỵ! Muốn không chiêu cảm nghiệp vô gián, chớ nên phỉ báng chính pháp luân”. Người học nên thận trọng !

Nếu công phu có một ít thâm nhập, biết được cái sáng tỏ mầu nhiệm thường hiện trước mắt, chạm nó cũng không tan, quét nó cũng không mất, lại cũng không nêu chấp trước. Nếu ông chấp bóng dáng thần thức này là sự thật, thì bị nó dẫn vào trong tình kiến, khởi tâm cổng cao, ngã mạn, không thể tiến lên, mở to miệng luôn oang oang nói càn bát-nhã, nói Phật cũng chỉ như thế, tổ cũng chỉ như thế! Lại dẫn kinh nói: Pháp ấy bình đẳng, nhất án án định”. Rồi nói: “Người đại ngộ không chấp những việc nhỏ nhặt. Đạt đến đây thì không có giới để giữ, cũng không có giới để phá”, rồi cho đó là cảnh giới Đại thừa mà không hiểu, không biết mình đang rơi vào quyền thuộc của ma, tự làm và làm cho người làm, không đáng thương xót sao? Kinh nói: “Người như thế dù có nhiều thiền định, trí tuệ nhất định cũng rơi vào ma đạo, thượng phẩm làm ma vương, trung phẩm làm dân ma, hạ phẩm làm ma nữ”. Người học rất kỵ điều này, không thể cho một chút sở ngộ của mình là đủ. Thận trọng, thận trọng!

Trong bốn chúng hậu học, nếu có người tò ngô, xin xem trong *Thiền yếu* của hòa thượng Cao Phong. Trong đó có đoạn hòa thượng Tuyết Nham hỏi hòa thượng Cao Phong làm chủ được chăng? Hỏi đến lần thứ ba thì cần phải suy xét lại kỹ càng. Nếu không vượt qua chỗ ấy thì hãy buông bỏ chỗ tò ngô ấy đi, rồi đem chỗ nghi của Hòa thượng để mọi người cũng nghi (chỗ này không cần ghi lại, trong *Tịnh độ huyền văn* đã có ghi chép). Công phu đến đây cần phải giữ gìn. Cho nên nói: "Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, không nên tạo nghiệp mới". Nếu như trời lại ám áp, vạn loại đều sinh trưởng, ân đức thấm nhuần thì công phu không uổng phí.

Trên đã nói các việc trong lúc thực hành công phu, trộm lấy những điều quan trọng trong kinh giáo và ngũ lục làm chứng cứ cho người học. Những việc này vốn chẳng phải của tôi, tôi chỉ được Thủy mẫu thiền^[43], liền cùng với những người đồng đạo nắm tay mà đi, tham cứu con đường xuất thân, vừa có chỗ không tương ứng thì nhất định chẳng dám bỏ qua. Cho nên Tử Cống hỏi về đạo bạn bè, Khổng Tử đáp rằng: "Chân thành khuyên bảo rồi khéo léo chỉ bày cho bạn". Tôi không tiếc lời với những người bạn chân chính, thôi thúc khiến họ tiến đến trước, không được chần chờ. Nếu người có lòng tin cạn cốt, thật khó ở chung, lại muốn luận bàn về chỗ không thấu hiểu của bậc tiền bối thì hãy truy xét tận gốc rễ. Vì sao? Vì cha mà không có người con thành thật can ngăn thì gia đạo bị suy? Nên tôi ôm nhiều nỗi bất bình cho tăng và tục. Mỗi khi gặp người nói và làm không hợp lẽ đạo, tôi thẳng thừng phân tích cho họ nghe đến chỗ rõ ràng thì mới vừa lòng.

Đến như phần mình, công phu rơi vào chỗ mơ màng, đạo lực chưa thành tựu. Bỗng nhiên, thời gian trôi qua nhanh, già bệnh thôi thúc, mới tự gắng công thì ngày chết đã gần. Than ôi! Chỉ xin người đồng học, ai nấy đều mến đạo, mỗi mỗi đạt đến lẽ huyền, tò ngô bản tâm, thề đời làm pháp lữ.

TÔNG CHỈ PHÁI LÂM TẾ

Sa-môn Huệ Hồng ở am Minh Bạch soạn

Thiền sư Phần Dương Thiện Chiêu dạy chúng rằng:

Bậc thánh xưa nói: Một câu có đủ Tam huyền^[44], trong mỗi Huyền cần đầy đủ Tam yếu. Thế nào là câu Tam huyền, Tam yếu? Hãy mau chóng lãnh hội, mỗi mỗi tự suy ngẫm đã được thỏa mãn hay chưa? Các bậc cổ đức đi hành cước^[45], khi nghe một nhân duyên^[46] mà chưa tò ngô thì ăn không ngon, ngủ không yên, khẩn cấp giải quyết. Đâu thể cho là việc nhỏ? Vì thế Đức Phật xuất hiện ở thế gian là vì một Đại sự nhân duyên^[47]. Xét ra những bậc cổ đức từ xưa đến nay, hành cước không phải để du sơn, ngoạn thủy; không phải để ngắm những cảnh xa hoa ở đô thị; không phải vì miếng cơm, manh áo mà đều vì chưa tò ngô tâm Thánh. Sở dĩ họ dong ruồi hành cước là vì giải quyết những chỗ sâu kín, xiển dương

giáo pháp, thưa hỏi bậc tiền bối, gần gũi bậc cao đức; vì giữ gìn đèn Phật tâm, nối tiếp giống Phật tổ, hưng thịnh giòng Thánh, tiếp dẫn người sau, tự lợi lợi người mà không quên hành nghi của chư tổ. Như ngày nay có ai thương lượng chăng? Nếu có, hãy bước ra cùng đại chúng thương lượng!

Vị tăng hỏi: Thế nào là câu tiếp dẫn người sơ cơ?

Đáp: Ông là vị tăng hành cước.

Lại hỏi: Thế nào là câu phân biệt nạp tăng?

Đáp: Mặt trời mọc ở hướng tây vào giờ mao.

Hỏi tiếp: Thế nào là câu Chính lệnh hành^[48]?

Đáp: Nghìn dặm mang đến để trình mặt mũi xưa nay.

Hỏi: Thế nào là câu thành lập trời đất?

Đáp: Lúa Bắc-cu-lô châu, người ăn thì không giận cũng không vui.

Sư nói: Chỉ đem bốn chuyển ngữ^[49] này mà nghiệm nạp tăng trong thiên hạ. Cho nên, vừa thấy ông đưa ra thì đã biết rồi.

Tăng hỏi: Thế nào là chỗ dụng công của người học?

Đáp: Gia Châu đánh pho tượng lớn.

Hỏi: Thế nào là chỗ chuyển thân của người học?

Đáp: Thiểm Phủ tắm trâu sắt.

Hỏi: Thế nào là chỗ thân thiết của người học?

Đáp: Tây Hà vờn sư tử.

Sư nói: Nếu người nào lãnh hội ba câu này thì đã phân biệt được Tam huyền. Lại còn có Tam yếu, cần phải biết rõ, không nên bỏ qua. Sư tụng kệ:

Tam huyền Tam yếu thật khó phân

Được ý quên lời đạo dễ gần

Một câu thấu suốt trùm vạn tượng

Tiết trùng dương^[50] đến cúc tươi nhuần.

Lãnh hội chăng? Nếu lãnh hội được thì không phải là nạp tăng nóng tính. Còn về nhân duyên Tam huyền, Ông lãnh hội được chăng? Chỉ cần lãnh hội được ý chỉ của người xưa thì tự tâm sáng tỏ, lại được biến thông cùng khắp, tự tại thọ dụng vô cùng, đó gọi là tự thọ dụng thân Phật, không cần người khác dạy mà cũng biết kế sống nhà mình^[51]. Do đó ngài Nam Tuyền nói: “Vương lão sư^[52] hơn 80 tuổi mới hiểu kế sống”

Tăng hỏi tiếp: Người xưa 80 tuổi mới hiểu kế sống, nhưng chưa biết tạo kế sống gì?

Đáp: Hai con trâu đực, hai sừng không cong.

Lại nói: Nếu muốn tò ngô việc này, chỉ cần đạt chỉ thú Tam huyền, lúc ấy thọ dụng tự tại, nhà mình khói lạc, sung sướng một đời. Bậc đại trượng phu chớ tự cô phụ, gấp việc không thông, không ích lợi gì cho người. Ta nói cho ông và mọi người nghe:

Huyền thứ nhất:

Pháp giới rộng vô biên,

Sum la và vạn tượng

Đều hiện đủ trong gương.

Huyền thứ hai:

Thích-ca hỏi A-nan,

A-nan theo việc đáp,

Bình bát thể vuông tròn.

Huyền thứ ba:

Chỉ hiện trước vua xưa,

Ngoài túc cú bách phi^[53],

Lư Thị^[54] hỏi Phong Can^[55].

Sư nói: “Đây là bài tụng về Tam huyền. Còn thế nào là ý thú Tam huyền? Dầu cho ông phân biệt rõ ràng đi nữa, cùng chỉ hiểu một cách sai lầm, không căn cứ. Ta từng gần gũi hòa thượng và đã nghe dạy: “Ví như dùng lời hư dối, lừa gạt người khác, có ngày ăn gậy sắt, chớ bảo rằng ta không nói trước”.

Lại nhân việc hái hoa cúc, Sư bảo chúng rằng: “Hoa vàng khắp đất, nhụy ngọc rợp trời, mặt trời trên không, càn khôn sáng rực, mây giăng làm mưa, lộ kết thành sương, không làm tồn vật, hại nghĩa. Thủ

nói một câu được không? Nếu nói không được, tức trong mắt có bụi, cần phải lấy ra mới được.” Do đó, ngài Phong Huyệt nói: “Nếu lập một trần, đất nước hưng thịnh, kẻ quê mùa lo buồn. Không lập một trần, đất nước suy vong, kẻ quê mùa an vui”.

Ngay đây tò ngộ thì xà-lê không có phần, toàn là phần của lão tăng. Ngay đây mà tò ngộ thì lão tăng chính là xà-lê. Lão tăng với xà-lê cũng có thể khai ngộ người trong thiên hạ, cũng có thể che mắt người trong thiên hạ. Ông muốn biết lão tăng và xà-lê ở đâu chăng? Sư vỗ đùi nói rằng: “Đây là Xà-lê! Đây là lão tăng”. Lại hỏi các Thượng tọa: “Lão tăng và xà-lê giống hay khác. Nếu nói giống thì thượng tọa tự là thượng tọa, lão tăng tự là lão tăng. Nếu nói là khác, thì lão tăng chính là xà-lê”. Nếu ngay đây mà hiểu được thì trong một câu có Tam huyền, Tam yếu, Chủ khách rõ ràng, việc bình sinh giải quyết xong, hoàn tất việc tham cứu. Cho nên, Vĩnh Gia Huyền Giác nói: “Xương tan thịt nát cũng đèn, thấu rõ được một câu, vượt tất cả”.

Lại nói hai vị Thủ tọa ở hai nhà tăng, một hôm gặp nhau cùng hét. Vị Tăng hỏi Lâm Tế: “Có chủ, có khách không?” Đáp: “Chủ khách rõ ràng”. Sư làm kệ rằng:

Hai vị Thủ tọa đều tác gia

Trong đây đạo lý có phân ra.

Chủ khách rõ ràng như gương sáng

Tông sư mắt nhặt thấy không hoa^[56].

Cư sĩ Vô Tận nói với tôi rằng: “Phần Dương^[57] là đích tôn năm đời của Lâm Tế, người học trong thiên hạ đều tôn sùng, xem đế cương thì rất sâu rộng, nhưng chỉ bàn về Tam huyền, Tam yếu. Ngày nay pháp phái này đều cho Tam huyền, Tam yếu là lời lập ra cho một giai đoạn, không có ích cho đạo, nhưng đối với các pháp không sinh dị kiến. Tất cả bình thường, chính là hợp ý tổ xưa nay. Lời ấy đúng chăng?” Tôi nói: “Cư sĩ nghe lời ấy, rõ ràng đã thấu hiểu, sao lại nghi ngờ cương yếu Phần Dương?”

Cư sĩ lại nói: “Tôi vẫn còn nghi mà chưa giải quyết được”.

Tôi bảo: “Đó chính là lý do lập ra Tam huyền Tam yếu. Nói trong một câu có đủ Tam huyền, trong một huyền có đủ Tam yếu. Có Huyền có Yếu chính là pháp tràng thanh lương tịch diệt ở trong biển nhiệt não của tất cả chúng sinh. Dụng pháp tràng này thì như bôi chất độc lên trống rồi đánh thì những người nghe đều chết; người ở xa thì chết sau. Nếu như người không bị nghiệp hoạnh tử^[58] thì dù nghe cũng không chết. Lâm Tế lúc còn tại thế, các vị Hưng Hóa Tôn Tưởng, Tam Thánh Huệ Nhiên, Bảo Thọ, thượng tọa Định vừa nghe liền chết. Sau hơn trăm năm có người nghe ngộ ý chỉ ấy, tức là người chết sau. Nhưng các pháp phái cho rằng không ích gì cho đạo, là nói người không bị hoạnh tử. Tông phong của Tổ như

vách cao vạn trượng, con cháu sợ, nên thích đi con đường bằng phẳng bình dị. Đó là Phật pháp suy đồi. Như sĩ đại phu tự xưng là học trò của Khổng Tử mà chê phần Hệ từ^[59] của kinh Dịch thì đứa bé ba tuổi sẽ cười cho! Lâm Tế chỉ nói trong một câu đủ Tam huyền, trong một Huyền đủ Tam yếu, có Huyền có Yếu mà thôi. Ban đầu thì chưa thấy được Huyền trong câu, Huyền trong ý, Huyền trong thể, nên Tháp chủ lầm lẫn ba câu của Huyền Sa là Tam huyền. Nên chỉ phân Tam huyền mà bỏ sót Tam yếu. Trong tùng lâm^[60]vẫn để như thế mà không cho là sai, thật đáng buồn! Huyền Sa nói: “Chơn thường lưu chú là pháp bình đẳng, chỉ là dùng lời bác lời, dùng lý đuổi lý. Vì vậy, rõ trước mà không rõ sau. Bởi lượng phần chứng Pháp thân chưa có câu siêu việt, nên chết dưới câu ấy. Nếu như biết lượng siêu việt thì không bị tâm ma sai sứ, nắm chắc trong tay, xoay chuyển tự tại. Đó gọi là thông đại đạo, vượt ra ngoài cái thấy bình thường. Đây là câu thứ nhất, người xưa gọi đó là Huyền trong câu. “Xoay cơ chuyển vị, sinh sát tự tại, nắm buông tự nhiên, vào sinh ra tử, làm lợi ích cho tất cả mọi người, thoát xa cảnh sắc dục, ái kiền”. Đây là câu thứ hai, xưa gọi đó là Huyền trong ý. Rõ suốt được trời đất, trùm khắp pháp giới. Một thể tánh chơn thường diệu dụng hiện tiền, ứng hóa không cùng, toàn dụng mà toàn chẳng dụng, toàn sinh mà toàn chẳng sinh, tạm gọi là cửa Từ định^[61]”. Đây là câu thứ ba, người xưa gọi là Huyền trong thể.

Phù Sơn Viễn công cũng nói: “Huyền trong ý chẳng phải là ý của ý thức”. Người xưa thật không đáng nói, Viễn Công cũng còn mê lầm. Tôi không thể không trình bày, cư sĩ Vô Tận gật đầu đồng ý.

Cư sĩ nói: “Có lần tôi thấy sư từ biệt chúng ·nói rằng: ‘Tăng đất Ngô tên Giản Trình có đại tri kiến; Chân Điểm Hung[62]đích thân thấy được Từ Minh; Dương Kỳ và Đạo Ngô khi tiếp người, phần nhiều đều nêu Thập trí đồng chơn’. Xin được nghe thuyết· này!”.

Tôi nói: “Thập trí đồng chơn và Tam huyền, Tam yếu đồng một yếu chí”. Ngài Phàn Dương nói: “Người thuyết pháp cần đầy đủ Thập trí đồng chân. Nếu không đầy đủ thì không phân biệt được tà chính, không rõ được Thánh phàm, không thể làm con mắt cho trời người để quyết đoán đúng sai, giống như con chim làm sao có thể bay lên bầu trời khi bị gãy cánh; tên làm sao có thể bắn trúng đích khi cung bị đứt dây? Dây chắc, cánh khỏe thì bầu trời và đích đều thấu suốt. Thế nào là Thập trí đồng chân? Ta nêu ra cho các thượng tọa^[63] biết: một là Đồng nhất chất trí, hai là Đồng đại sự trí, ba là Tổng đồng tham trí, bốn là Đồng chân trí trí, năm là Đồng biến phỗ trí, sáu là Đồng cụ túc trí, bảy là Đồng đắc thất trí, tám là Đồng sinh sát trí, chín là Đồng âm hống trí, mười là Đồng đắc nhập trí”. Lại nói: “ Đồng đắc nhập với ai? Đồng âm hống với người nào? Thế nào là Đồng sinh sát? Vật gì Đồng đắc thất? Cái gì Đồng cụ túc? Cái gì là Đồng biến phỗ? Người nào Đồng chân trí? Ai có thể Tổng đồng tham? Cái gì Đồng đại sự? Vật nào Đồng nhất chất?”. Có ai nêu ra được không? Nếu nêu ra được thì ta không tiếc tâm từ bi. Nếu như không nêu ra được thì các ông chưa có con mắt tham học, cần mau chóng đạt được, phải biết đúng sai, thấy được mặt mũi hiện tại.”

Ngày nay, hầu hết các tùng lâm đều sợ pháp môn này, không muốn nghe. Vì sao phải nói đến? Chư phuơng^[64] chỉ thích những kiến giải bình thường, chấp chặt vào đó, không chịu buông, chỉ muốn truyền trao mà không tin có liễu ngộ. Giá như ngài Phàn Dương sống lại, đích thân phân tích thì họ cũng cho là sai. Thuở xưa, ngài A-nan kinh hành vào ban đêm, nghe đồng tử tụng bài kệ:

Nếu người sống trăm tuổi

Không thấy được con hạc

Chẳng bằng sống một ngày

Mà được thấy con hạc.

A-nan liền dạy đồng tử nên đọc là: Thấy rõ Phật pháp chớ chẳng phải thấy được con hạc. Đồng tử trả về thưa với thầy của mình. Thầy cười và nói: “A-nan già nên lú lẫn rồi, con phải xem lời ta là đúng”. Nói chỉ thú Tam huyền, Thập trí cho người học bây giờ thì khác gì việc này?

Khi ấy, cư sĩ Vô Tận than rằng: “Như vậy, chỉ thú này há chẳng phải là phương tiện sao?”. Ta liền làm kệ:

Thập trí đồng chân toàn diện mục

Trong đó nhất trí là cội nguồn

Nếu như thấy được Phàn Dương lão

Bỏ tách Tam huyền trở thành hai.

Lại hỏi: “Bốn tân chủ^[65] cũng là pháp môn do Lâm Tế kiến lập ư?”

Tôi đáp: “Đó là phương tiện mà chư Phật trong ba đời và các tổ sư đã dùng để dẹp bỏ những tình kiền^[66] phàm thánh, chẳng phải chỉ riêng Lâm Tế sử dụng, như ngài Long Sơn Bản diện kiến Mã Tổ. Một hôm, Thiền sư Động Sơn Lương Giới cùng đi du phuơng với Mật Sư Bá. Một hôm đi ngang qua Long Sơn ở Trường Sa, thấy suối khe, cây cổ um tùm, Giới quay lại nhìn núi non chập chùng xanh thẳm, rồi nói với Mật rằng: “Trong đây chắc chắn có ẩn sĩ”, liền men theo suối, đi khoảng mười dặm thì gặp một vị tăng gầy ốm, chắp tay trước trán hỏi: “Nơi đây không có đường, các vị từ đâu đến?”.

Giới nói: Hãy gác lại việc không có đường, Am chủ từ đâu vào?

Đáp: Ta chưa hề du phuơng.

Giới hỏi: Am chủ ở đây bao lâu rồi?

Đáp: Không can hệ đến ngày tháng.

Giới tiếp: Am chủ trụ ở đây trước hay núi này trụ trước?

Đáp: Không biết.

Giới gạn lại: Vì sao không biết?

Đáp: Ta chẳng từng từ cõi trời người lại.

Giới hỏi: Được đạo lý gì mà trụ núi này?

Đáp: Ta thấy hai con trâu đất chơi nhau rồi chìm xuống biển^[67], mãi đến ngày nay không có tin tức.

Mật Sư Bá và Lương Giới đây đủ oai nghi lê bái rồi hỏi: Thế nào là khách trong chủ?

Đáp: Núi xanh mây trắng phủ

Lại hỏi: Thế nào là chủ trong chủ?

Đáp: Lâu năm không ra khỏi cửa.

Hỏi tiếp: Chủ khách xa nhau bao lâu?

Đáp: Sóng trên dòng Trường giang.

Lại hỏi: Chủ khách gặp nhau có lời gì?

Đáp: Ban ngày gió mát thổi.

Giới đánh lẽ xin y chỉ. Lão tăng cười và nói:

Xưa nay an trú mái ba gian

Một đạo thần quang^[68] muôn cảnh nhàn

Chớ đem thị phi cùng ta nói

Thế gian đàm luận chẳng tương quan.

Ngay đó, Am chủ đốt am rồi đi vào trong núi sâu. Về sau Lương Giới trụ ở núi này.

Giới hỏi vị tăng: Ai là chủ nhân ông của ngươi?

Đáp: Người đang trả lời đó!

Giới ngửa mặt than thở: “Đây gọi là việc của kẻ tôi tớ, vì sao nhận là chính mình? Đây là điềm Phật pháp suy vi. Chủ trong khách còn chưa rõ, huống gì chủ trong chủ?”

Tăng hỏi: Thế nào là chủ trong chủ?

Giới nói: Ngươi tự nói xem!

Đáp: Nói được tức là chủ trong khách. Thế nào là chủ trong chủ?

Giới im lặng một lúc^[69] rồi nói: “Không ngại nói cho ngươi nghe, nhưng giữ cho tương tục cũng rất khó. Ta xem ý lão tăng Long Sơn như Tiêu Hà^[70] hiểu Hàn Tín^[71], há có pháp ư?” Nhưng lập luận của Giới công như sự lập triều của Hoắc Quang^[72], đi đứng cũng có phép tắc. Than ôi! Người sau nhất định không hiểu hết ý người xưa, còn Giới cũng để chủ trong chủ ở trong lòng, thì thật đáng nghi!

Tôi từng đến Lâm Xuyên kết giao với Chu Thế Anh. Một hôm trưởng lão Thượng Lam đến nói với Thế Anh rằng: “Giác Phạm^[73] nổi tiếng làm thơ, Nhưng Thiền thi thầy ông ấy vẫn còn sai lầm, huống gì đệ tử?”.

Thế Anh cười, nói: “Sư có thể nghiệm xét việc đó chăng?”

Thượng Lam đáp: Ủ.

Cả hai ở lại một ngày rồi cùng nhau đến Sơ Sơn^[74], dùng cơm ở khách xá. Thượng Lam lấy tay vẽ lên bàn và nói với tôi rằng: “Trên gáy kinh nhất định ghi chữ dĩ (以), là nghĩa gì?”. Tôi liền vẽ một vòng tròn và gạch ngang rồi nói: “Là nghĩa này”. Thượng Lam ngạc nhiên. Tôi làm bài kệ:

_ Chữ dĩ (以) không thành, bát (八) cũng sai [75]

Pháp thân say ngủ, chẳng che ngăn

Nap tảng đổi diện tên không biết

Trăm người trước mắt gọi chặng hay.

Thượng Lam trở về thuật lại cho Thế Anh, Thế Anh vỗ tay nói: “Ai là thi tăng^[76] cũng có thể biết nghĩa của từ ngữ ư ?”. Nhận đó cùng nhau xem bài kệ “Làm con nghè” của Phàn Dương:

Đầu có, sừng không, thật buồn thay!

Trăm năm khó tránh tác gia^[77] này

Phàm thánh cũng không sao biết hết

Hiện tiền tướng mạo có mảy may.

Tôi nói với Thế Anh rằng: “Kệ này là giải thích tự nghĩa^[78]”.

Thế Anh hỏi tôi: “Kinh Hoa nghiêm chép: “Vị tiên Tì-mục nắm tay Thiện Tài, lập tức Thiện Tài tự thấy thân mình trụ trong thế giới nhiều như số vi trần của mười cõi Phật, rồi đến chỗ chư Phật nhiều như số vi trần

của mười cõi Phật, thấy cõi Phật và chúng hội ở đó, các Đức Phật có đủ tướng tốt trang nghiêm, như vậy trải qua số kiếp nhiều như vi trần của trăm nghìn ức bất khả thuyết cõi Phật. Đến khi vị tiên buông tay ra thì Thiện Tài lập tức thấy thân mình trở về chỗ cũ". Ý nghĩa đoạn này giải thích thế nào?"

Tôi đáp: "Đều là biểu tượng. Vừa mới nắm tay tức là lúc nhập vào phép quán, thấy mình và người không cách nhau mảy may, trước sau không lìa đương niệm. Khi buông tay tức là lúc xuất định. Ngài Vĩnh Minh nói: "Cho nên biết, chẳng động bần vị mà các cõi xa gần rõ ràng. Một niệm chẳng rời mà thời gian dài ngắn đã xác thực". Vì Thế Tôn lấy hoa sen làm thí dụ nên thế gian chẳng có ai biết, chỉ ta nhận biết: Khi hoa mới nở, trong đó đã có hạt, trong hạt đã có tim sen, trong nhân có quả, trong quả có nhân, ba đời đồng thời, hạt phân tán nhưng lại có thứ lớp, liên tục không gián đoạn, mươi phương không cách nhau".

Lại hỏi: *Kinh Pháp hoa* chép: "Trước Đại chúng, Thế Tôn hiển hiện đại thần lực, xuất tướng lưỡi rộng dài lên đến cõi trời Phạm", thật khó hiểu! Nhưng có người giải thích rằng: "Âm thính Phật vi diệu, mọi nơi đều nghe, siêu việt thánh phàm thì tướng lưỡi của Phật rộng dài lên đến cõi trời Phạm Thế". Lời giải thích này như thế nào ?

Ta đáp: "Đây là hiểu trên ngôn ngữ, chẳng phải là ý của Thế Tôn". Ngài Quy Sơn nói: "Ý phàm thánh bắt, thể lộ chân thường^[79]; lý sự chẳng hai, tức như nhu^[80] Phật". Người học không thể hiểu ý vị sâu xa lời nói này, tạm chấp nhận theo suy đoán mà thôi. Thí như người mù sờ voi, tùy bộ phận được chạm biết mà cho là voi, cho nên đối với họ, con voi chỉ là đuôi, là chân, là lưng, là ngà mà toàn bộ con voi đã bị ẩn đi. *Kinh Bát-nhã* ghi: "Vì không hai, không hai phần, không sai biệt, không đoạn tức là chân thường, chẳng phải là chân thường của một vật lặng lẽ siêu việt, không biến hoại". Tướng lưỡi rộng dài đến cõi trời Phạm, đâu có thể dùng ý thức biết được? Ngài Huyền Tráng đến Tây Trúc gặp luận sư Giới Hiền, lúc đó Giới Hiền đã 106 tuổi, được mọi người kính ngưỡng tôn là Chính Pháp Tạng. Ngài Huyền Tráng cung kính làm lễ, đến bên luận sư, luận sư mòi ngòi, rồi hỏi: "Từ đâu đến?" Đáp: "Từ Trung Quốc đến, muốn học các bộ luận như Du-già v.v".... Lúc đó luận sư rơi lệ gọi đệ tử là Giác Hiền đến và hỏi: "Cơm mòng trước đây của ta như thế nào?"

Vị đệ tử nói với ngài Huyền Tráng rằng: "Ba năm trước, hòa thượng bị cơn bệnh hiểm nghèo, đau đớn như người lấy dao rạch bụng. Hòa thượng định tuyệt thực đến chết. Đêm đó, hòa thượng nằm mộng thấy một người nam, thân màu vàng đến bảo rằng: "Ông chờ chán tẩm thân mà xưa ông từng yêu quý. Trước đây, ông thường hại mạng vật, phải nên ăn năn, tự sát có ích gì? Có vị tăng Trung Quốc đến đây học Phật pháp, đang trên đường đi, ba năm nữa sẽ đến, hãy truyền thọ pháp Phật để vị ấy truyền bá thì tội ông tự diệt. Ta là Mạn-thù-thất-lợi, cố ý đến báo cho ông rõ". Hòa thượng bị bệnh đã ba năm, nay thầy đã đến, mộng trước thật có linh ứng".

Tôi sống ở đời đã trải qua nhiều gian khổ, đó là do nghiệp xưa vậy. Nay biết rằng nghe lời dạy của ngài Mạn-thù-thất-lợi đem pháp trao cho người thì tội tự diệt. Cho nên, có ý muốn soạn cuốn *Phật tổ chỉ quyết chi ý*, để truyền trao cho người hầu diệt nghiệp chướng đời trước của mình, chứ chẳng phải cầu việc khác.



CHÚ THÍCH

[1] Tây Thục: tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

[2] Ngũ dục: năm thứ ham muôn.

A. Ngũ dục còn gọi là ngũ diệu dục, diệu ngũ dục, ngũ diệu sắc: năm thứ ham muôn sinh ra từ sự nhiễm trước năm trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, tức là:

1. Sắc dục: ham muôn sắc đẹp của thế gian.

2. Thinh dục: ham muôn âm thanh.

3. Hương dục: ham muôn mùi hương thơm.

4. Vị dục: ham muôn những thức ăn ngon.

5. Xúc dục: ham muôn sự xúc chạm.

Trái với ngũ dục thô ở cõi Dục này là năm dục của cõi Sắc và Vô Sắc, được gọi là thanh khiết ngũ dục (năm dục trong sạch).

(Theo kinh *Phật di giáo*, luận *Đại trí độ* 17, 37; *Ma-ha chỉ quán* 4, phần cuối).

B. Ngũ dục: tài dục, sắc dục, ẩm thực dục, danh dục và thùy miên dục.

1. Tài dục: ham muôn của cải.

2. Sắc dục: ham muôn sắc đẹp thế gian.

3. Ẩm thực dục: ham muôn sự ăn uống.

4. Danh dục: ham muôn tiếng tăm.

5. Thụy miên dục: ham muôn sự ngủ nghỉ.

Theo: *Hoa nghiêm kinh tùy sở diễn nghĩa sao 27, Đại Minh tam tạng pháp số 24.* (Theo TĐPHHQ, tập 3, tr. 2948).

[3] Hòa thượng Vân Phong (1219-1293): pháp hiệu của thiền sư Diệu Cao thuộc phái Đại Huệ, tông Lâm Tế, sống vào đời Nguyên, quê ở Trường Lạc, Phúc Châu. Sư là đệ tử nối pháp của Yển Khê Quảng Văn ở chùa Tịnh Tử, núi Kính Sơn, Hàng Châu. (Theo TĐPHHH, tập 2, tr. 1099)

[4] Địa ngục Vô Gián: địa ngục thứ tám trong tám địa ngục nóng, nằm dưới lòng đất Nam Thiệm-bộ châu, cách mặt đất 20.000 do-tuần, sâu rộng cũng 20.000 do-tuần. Hễ người nào phạm một trong năm tội nghịch thì khi chết phải đọa vào địa ngục này. Vô gián có năm nghĩa:

- 1.Thú quả vô gián: sau khi mạng chung thì đọa thẳng vào mà không qua thân trung âm.
- 2.Thụ khổ vô gián: thụ khổ liên tục.
- 3.Thời vô gián: trong thời gian một kiếp tương tục không gián đoạn.
- 4.Mạng vô gián: thọ mạng không gián đoạn trong một kiếp .
- 5.Thân hình vô gián: thân hình người tội đầy chật trong ngục, không có khoảng cách. (Theo TĐPHHH, tập 7, tr. 6076)

[5] Bốn ân: gồm nhiều nghĩa:

- 1.Ân mẹ, cha, Như Lai, pháp sư thuyết pháp. (Theo *kinh Chính pháp niệm*).
- 2.Ân cha mẹ, chúng sinh, quốc vương, Tam bảo. (Theo *kinh Đại thừa bản sinh tâm địa quán 2*).
- 3.Ân sư trưởng, cha mẹ, quốc vương, thí chủ.
- 4.Ân thiên hạ, quốc vương, tôn sư, cha mẹ. (Theo TĐPHHQ, tập 7, tr. 4705).

[6] Bách Gia Chư Tử là các bậc hiền triết Trung Quốc như: ngài Trang Tử, Liệt Tử, Dương Tử, Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Thận Tử, Hoài Nam Tử, Tuân Tử v.v....

[7] Triệu Châu: thiền sư Trung Quốc, sống vào đời Đường, người ở làng Hách (có thuyết nói là Lâm Tri, Thanh Châu), họ Hác, pháp hiệu Tùng Thẩm. Sư xuất gia tại viện Hộ Tông ở Tào Châu (có thuyết nói viện Long Hưng ở Thanh Châu). Trước khi thụ giới Cụ túc, Sư đã đến Trì Dương tham yết ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên, ngài Nam Tuyền cho Sư là bậc pháp khí. Sư đến đàn Lưu Li ở Tung Sơn thụ giới, lại trở về ngài Nam Tuyền, y chỉ 20 năm. Về sau, Sư lần lượt tham học với các thiền sư Hoàng Bá, Bảo Thọ, Diêm Quan, Giáp Sơn, Ngũ Đài. Khi Sư 80 tuổi, đại chúng thỉnh Sư về trụ trì viện Quan Âm ở Thành Đông. Triệu Châu, trong suốt 40 năm, mở rộng thiền phong. Sư tôn kính ngưỡng mộ *Tín Tâm Minh* của

tổ Tăng Xán, lời huyền diệu của Sư vang khắp thiên hạ, các công án vấn đáp, thị chung của Sư như “Con chó có Phật tính không?”, “Chí đạo không khó” được mọi người truyền tụng. Sư có tác phẩm: *Chân Tế Đại Sư Ngữ Lục* 3 quyển. (Theo TĐPHHQ, tập 7, tr. 5815).

[8] Thiên nhiên Di-lặc và Tự nhiên Thích Ca: Đức Phật Thích-ca tự nhiên khai phát thành Phật. Tứ· Giáo Nghi ghi : Hà xứ thiên nhiên Di Lặc, tự nhiên Thích Ca. (Theo PHĐTĐ của Đinh Phúc Bảo).

[9] Hành giả. Còn gọi hành nhân, tu hành nhân, là những người tu hành Phật đạo. Hai mươi lăm hành giả trong kinh *Lăng-nghiêm* là những vị bồ-tát và a-la-hán, mỗi vị đều có viên thông, tất cả gồm hai mươi lăm viên thông: sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại. Trong đó, nhì căn viên thông là tối thượng. (Theo TĐPHHQ, tập 7, tr. 6032).

[10] Khán: gồm nhiều nghĩa:

1. Chuyên tâm xem xét, nghiên cứu tới lui một cơ ngữ nào đó của cỗ nhân. Tiết Chân Như Phương Thiền sư trong NĐHN q.12 ghi: “Thiền sư · Phương ở viện Chân Như thuộc Chân Châu đến tham học nơi ngài Lang Da, chỉ khán công án “Cây bách”.
2. Ra mắt, thăm hỏi. Minh Giác Ngữ Lục q.2 ghi: “Sư ở Minh Châu, có lần ra mắt học sĩ. Đang ngồi, học sĩ hỏi: Ông thương lượng cùng trưởng lão Thanh về công án “Triệu Châu khám phá bà già” quả thật có chỗ khám phá không?”

Tiết Động Sơn hòa thượng trong *Tổ Đường* Tập q.6 ghi: Tăng hỏi: “Người chẳng bình có hỏi thăm hòa thượng không?”. Sư đáp: “Ta hỏi thăm hắn thì có phần đúng hơn. Hắn nào có ngó ngàng gì đến ta?”.

3. Tiếp đãi, khoản đãi. Tiết Đan Hà hòa thượng trong *Tổ Đường* tập q.4 ghi: “Sư đến Lạc Kinh để tham vấn quốc sư Huệ Trung. Vừa gặp thị giả, Sư liền hỏi: “Hòa thượng có ở nhà không?”. Thị giả đáp: “Có, nhưng chẳng tiếp khách”.

Vân Môn quang lục q.6 ghi: “Khách đến cần phải tiếp đãi, trộm đến cần phải đuổi đi”.

4. Coi sóc, lo liệu. Tiết Động Sơn hòa thượng trong *Tổ Đường* tập q.6 ghi: “Nhân có hai vị tăng cùng đi đến Động Sơn. Một người bị bệnh nằm nghỉ ở Niết-bàn đường, người còn lại coi sóc y ta. Một hôm, người bị bệnh gọi bạn đồng hành, nói: Tôi muốn đi. Khi ấy cả hai cùng ra đi”.

5. Coi chừng, đề phòng, hàm ngữ khí dặn dò, cảnh tỉnh. Tiết Trung Thừa Lô Hàng cư sĩ trong NĐHN q.18 ghi: Cư sĩ Lô Hàng Trung Thừa đang ngồi quanh lò sưởi với ngài Viên Thông. Cư sĩ bảo: “Nhân duyên của các nhà chẳng nhọc đưa ra. Một câu thảng tắt thỉnh Sư chỉ dạy?”. Sư Thông vái chào và nghiêm giọng bảo: “Coi chừng lửa”, cư sĩ vội vén áo, chợt đại ngộ.

Tiết Khâm Sơn Văn Thúy Thiền Sư trong *Liên đăng hội yếu* q.22 ghi: “Đồng An không có tâm tốt, cần phải đề phòng mới được”. (Theo TĐTTHV, tr. 343).

[11] Tứ chúng: Còn gọi là tứ bối, tứ bộ chúng, tứ bộ đệ tử, bốn chúng: tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di hoặc chỉ cho bốn chúng xuất gia: tì-kheo, tì-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4727).

[12] Nhập thất: vào thất của thầy để thọ nhận pháp môn mà kế thừa dòng pháp hoặc vào thất để tham học tu tập. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 3177).

[13] Bên kia (na biên): chỉ cảnh giới đạt ngộ, siêu việt thời gian, vượt ngoài 3 cõi. Ngược lại, cảnh giới thế tục gọi là giá biên (bên này). (Theo TĐPHHQ, tập 3, tr. 2761).

[14] Trọng Ni: tên của Khổng Tử. Khổng Tử tên Khâu, người nước Lỗ.

[15] Hai chủ Đông Tây: chủ Đông đường và Tây đường hay Đông tự và Tây tự. Đông tự: từ gọi chung các vị tăng thông hiểu các pháp thế gian, giữ các chứa vụ Tri sự, tòa vị được sắp xếp ở phía đông Phật điện Pháp đường. Còn những vị có học vấn và giới đức cao, giữ các chức Đầu thủ, Đầu thủ vị, tòa vị được sắp xếp ở phía tây, nên gọi là Tây tự. (Theo TĐPHHQ, tập 2, tr. 1585)

[16] Tam đức, lục vị: ba tính chất và sáu vị của thức ăn. Ba tính chất: mềm, tinh khiết và đúng pháp; sáu vị: đắng, chua, ngọt, cay, mặn, lạt. Theo *phẩm Tự, kinh Đại bát niết-bàn* 1 (bản Nam), khi Phật sắp nhập niết-bàn, các ưu-bà-tắc sắm sửa các thứ uống ăn cúng dường Phật và chúng tăng. Các thứ uống ăn này ngon ngọt, có đủ ba tính chất, sáu vị. Về sau ba tính chất, sáu vị trở thành bài kệ được đọc tụng bữa thụ trai hằng ngày trong các tự viện: “Tam đức, lục vị, cúng Phật cập tăng...”. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4096).

[17] Đại sự: việc lãnh ngộ thiền pháp, siêu thoát sinh tử, nhà Thiền cho đây là việc lớn của mỗi người. Tiết Nghệ Ngôn trong *Nguyên Hiền quang lục* q.29 ghi: “Tâm tri giải chưa dứt thì thường thường xảo kiến nảy sinh. Đây gọi là cảnh giới của trí thông minh, cũng còn gọi là ma quân dưới cây bồ-đề, phải tận tình trừ sạch. Kế đến, tiến dời có đường thì việc lãnh ngộ thiền pháp mới có hy vọng”. (Theo TĐTTHV, tr.177).

[18] Tông tượng: còn gọi là tông sư, tông sư gia, thiện tri thức tức bậc thầy giỏi chuyên truyền dạy Thiền tông. Đây là bậc cao tăng đã thể hội tông chỉ Thiền tông, khéo dùng phương tiện để tiếp hóa đệ tử, giúp họ tiến đến chứng ngộ một cách đúng đắn”. *Thích thị yếu lâm*, q.thượng (Đại 54, 260 trung) ghi: “Tông tượng là vị thầy truyền dạy Thiền tông. Hơn nữa, chữ tông có âm là tôn, hàm ý tôn kính, nghĩa là người chuyên dạy về pháp **không**, được mọi người tôn kính”. (Theo TĐTTHV, tr. 851).

[19] Hoàng Mai: tên huyện, ở phía đông nam tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Huyện Hoàng Mai có Đông sơn và Tây sơn, là nơi Tứ tổ Đạo Tín và Ngũ tổ Hoằng Nhẫn tham thiền đắc đạo. Ngũ tổ lấy huyện này làm căn cứ địa để mở rộng pháp môn Đông sơn. Trong đó, ngài Đạo Tín trụ ở chùa Chính Giác, núi Song Phong (Tây sơn), cách huyện Hoàng Mai 17 km về phía tây bắc. Còn ngài Hoằng Nhẫn thì mở mang giáo hóa ở chùa Chân Huệ, núi Phùng Mậu (Đông sơn), cách huyện Hoàng Mai 17km về phía đông bắc. Lục tổ Huệ Năng kế thừa y bát của Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, hoằng pháp ở chùa Đông Tiệm thuộc ngoại thành phía tây nam huyện Hoàng Mai. Từ đó về sau, tùng lâm mọc lên khắp nơi và huyện Hoàng Mai trở thành địa danh nổi tiếng của Phật giáo, trong lịch sử gọi là Hoàng Mai Phật giáo. Ở huyện này có chùa Lão Tổ, chùa Tứ Tổ và chùa Ngũ Tổ là ba thiền lâm lớn nhất. Cách huyện Hoàng Mai 13km về phía Tây Bắc có một ngọn núi mọc rất nhiều mai nên gọi là núi Hoàng Mai, Thánh Tổ đời Thanh có ban tấm biển đề là “Thiên Hạ Đệ Nhất Sơn”. (Theo TĐPHHQ, tập 2, tr. 1900).

[20] Trửu: một khuỷu tay, là đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ thời xưa. Có hai loại là thư trửu lượng và quyền trửu lượng. Thư trửu lượng là duỗi thẳng các ngón tay, độ dài từ cùi chỏ đến đầu ngón tay giữa gọi là thư trửu lượng; còn quyền trửu lượng là độ dài từ cùi chỏ đến cuối nắm tay. Độ dài của một trửu trong các kinh luận đều nói khác nhau, theo *luận Câu-xá 12, Đại Đường Tây Vực ký 2* thì bảy hạt lúa (khoán mạch, S: Yaya) là một lóng tay (chỉ tiết, S:Anguliparva), 24 lóng tay là một khuỷu tay, bốn khuỷu tay là một Cung (S:Dhanus). Các từ ngữ khoán mạch, chỉ tiết, cung nói trên đều là tên gọi các đơn vị đo chiều dài đời xưa của Ấn Độ. Còn theo *Đà-la-ni tập kinh 12* thì độ dài ngắn của khuỷu tay là tùy theo sự dài ngắn của khuỷu tay vị Chú sư. Có chỗ cho rằng một khuỷu tay là hai gang tay (một gang tay dài khoảng 23cm). Y cứ theo đây ta biết trong tu pháp Mật giáo, hành giả có thể y theo trửu lượng của tự thân mà sử dụng độ dài hẹp rộng khác nhau. (Theo TĐPHHQ, tập 7, tr. 5912).

[21] Tầng trời Ba Mươi Ba: Đao Lợi thiên, tầng trời có ba mươi ba thiên tử, một trong sáu tầng trời cõi Dục. Trong vũ trụ quan của Phật giáo, cõi trời này ở trên đỉnh núi Tu-di, thuộc tầng trời thứ hai của cõi Dục, bốn phía mỗi phia đều rộng 80000 do-tuần, bốn góc trên đỉnh núi đều có một ngọn núi cao 500 do-tuần, thần Kim Cang Thủ Dược-xoa thủ hộ cõi trời này. Cung điện (thành Thiện Kiến) ở trung ương là trú xứ của trời Đế Thích, chung quanh phia ngoài thành có bốn khu vườn, là nơi các thiên chúng vui chơi. Phía đông bắc của thành có cây Viên sinh, hoa nở hương thơm bay rất xa. Phía tây nam thành có Thiện Pháp đường, các thiên chúng nhóm họp ở đây, bình luận pháp lý. Bốn phương, mỗi phương đều có tám thành, thêm một thành ở trung ương là ba mươi ba thiên thành. Theo kinh Chính pháp niêm 25, sau khi Phật Mẫu Ma-da mạng chung thì sinh lên cõi trời này, Đức Phật có lên cõi trời này nói pháp trong ba tháng để độ thoát cho mẹ. Tín ngưỡng về Tam Thập Tam thiên và Diệm-ma thiên đã sớm thịnh hành vào thời đại Phệ-đà ở Ấn Độ. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4205).

[22] Tầng trời thứ mươi tám: tầng trời Sắc Cứu Cánh, tầng trời cao nhất trong chín tầng trời Tứ Thiền.
(Theo TĐPHHQ, tập 6, tr. 5185).

[23] Tứ không thiêng: Tứ Vô sắc, bốn Không xứ của cõi Vô Sắc: Không Vô Biên xứ, Thức Vô Biên xứ, Vô Sở Hữu xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4797).

[24] Bách pháp: một trăm pháp hữu vi, vô vi theo chủ trương của tông Duy thức.

1.Tâm pháp có tám.

2.Tâm sở hữu pháp có năm mươi mốt pháp gồm: năm biến hành, năm biệt cảnh, mươi một thiện, sáu phiền não, hai mươi tùy phiền não, bốn bất định.

3.Sắc pháp có mươi một.

4.Bất tương ứng hành pháp có hai mươi bốn.

5.Vô vi pháp có sáu.

(Theo TĐPHHQ, tập 1, tr. 221).

[25] Thập huyền: mươi môn huyền biểu thị tướng của sự sự vô ngại pháp giới, xuất xứ từ bộ *Hoa nghiêm kinh tùy sớ diễn nghĩa sao* của ngài Trừng Quán. Nếu thông đạt nghĩa này có thể nhập vào biển vi diệu của *kinh Hoa nghiêm*, nên gọi là Huyền môn; mươi môn này làm duyên cho nhau sinh khởi, nên gọi là duyên khởi. Mười môn tương tức tương nhập, tác dụng lẫn nhau mà không chướng ngại, nên gọi là vô ngại. Gồm:

1.Đồng thời cụ túc tương ứng môn.

2.Quảng hiệp tự tại vô ngại môn.

3.Nhất đa tương dung bất đồng môn.

4.Chư pháp tương túc tự tại môn.

5.Ấn mật hiển liễu câu thành môn.

6.Vi tế tương dung an lập môn.

7.Nhân-đà-la võng pháp giới môn.

8.Thác sự hiển pháp sinh giải môn.

9.Thập thế cách pháp dị thành môn.

10. Chủ bạn viên minh cụ đức môn. (Theo TĐPHHQ, tập 6, tr. 5229).

[26] Thập tín: mươi tâm mà mươi giai vị đầu tiên trong năm mươi hai giai vị bồ-tát tu hành; mươi tâm này thuộc về Tín vị, có công năng giúp cho hành giả thành tựu tín hạnh. *Phẩm hiền thánh danh tự, kinh Bồ-tát anh lạc bản nghiệp*, quyển thượng ghi mươi tâm là: tín tâm, niệm tâm, tinh tấn tâm, định tâm, huệ tâm, giới tâm, hồi hướng tâm, hộ pháp tâm, xả tâm, nguyện tâm. (Theo TĐPHHQ, tập 6, tr. 5321).

[27] Tánh thiêng: tâm tánh, bản tánh, Phật tánh vốn có nơi mỗi chúng sinh.

[28] Vương hóa: sự giáo hóa của thiên tử. (Theo HNĐTĐ, quyển 4, tr. 456)

[29] Ta-la (tên khoa học: shorea robusta) · gọi tắt của Ta-la song thọ, nơi Đức Phật diệt độ. (Theo PHĐTĐ của Đinh Phúc Bảo)

[30] Kiếp Không trở về trước: biểu thị lúc trời đất chưa có, khi cha mẹ chưa sinh; hay diễn tả trạng thái khi tất cả tình thức phân biệt đối đãi chưa hình thành. Đây là thí dụ chỉ bản lai diện mục, Phật tánh thanh tịnh sẵn có của chúng sinh. (Theo TĐPHHQ, tập 3, tr. 2147).

[31] Lục thân: sáu hàng thân thuộc: cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

[32] Hi Hòa: tên gọi chung cho hai họ Hi và Hòa. Theo truyền thuyết, vua Nghiêu từng sai Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc trụ ở bốn phương để tạo lịch pháp. · (Theo HNĐTĐ, quyển 9, tr. 192).

[33] Ngũ tân: ngũ huân, năm loại rau có vị cay nồng. Theo *kinh Đại Phật thủ lăng-nghiêm 8*, năm thứ cay nồng nếu ăn chín thì sinh tâm dâm, ăn sống thì tăng thêm tâm sân hận, nên những người cầu giác ngộ không nên ăn năm thứ rau này. Về ngũ tân có nhiều thuyết khác nhau, nhưng có thể rút gọn thành hai thuyết:

1. … Theo *kinh Phạm võng* quyển hạ, năm thứ cay nồng: hành, hẹ, nén, tỏi, hưng cù.

2. … Theo *Bồ-tát giới nghĩa sớ* quyển hạ, năm thứ cay nồng: tỏi, hành, nén, hẹ và kiệu. (Theo TĐPHHH, tập 3, tr. 3007).

[34] Tám bộ: tám bộ quỷ thần, các vị thần bảo hộ Phật pháp là: thiên, long, dạ-xoa, càn-thác-bà, hương thần (nhạc thần), a-tu-la, ca-lầu-la, kim sí điểu, khản-na-la (phi nhân, ca nhân), ma-hầu-la-già (đại mãng thần). Đức Phật dùng oai đức cảm hóa tám bộ chúng khiến tất cả đều quy y và trở thành quyến thuộc của Phật, trụ ở cõi thụ dụng của chư Phật, hộ trì Phật pháp. Hơn nữa, bát bộ chỉ quỷ chúng do Tứ thiêng vương thống lĩnh là: càn-thác-bà, tỳ-xá-xà, cưu-bàn-trà, bệ-lệ-đa, long, phú-đơn-na, dạ-xoa, la-sát. Trong kinh diễn tùy theo chỗ, có khi nói là: thiên, long, v.v.. và có khi nói bát bộ là: càn-thác-bà, tỳ-xá-xà, v.v... Trung Quốc từ xưa đã có ghi chép về sự tạo lập hình tượng của tám bộ chúng này. (Theo TĐPHHH, tập 1, tr. 370).

[35] Nghiêu: con của Đế Khốc, họ Y Kì, tên Phóng Huân, hiệu Đào Đường Thị, một trong năm vị đế vương (ngũ đế) trong truyền thuyết thời thượng cổ: Phục Hi, Thần Nông, Huỳnh Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn. *Hệ từ hạ, kinh Dịch* ghi: “Thần Nông mất, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn nối ngôi”. (Theo HNĐTĐ, quyển 2, tr. 1142).

[36] Thuấn: một trong ngũ đế, họ Diêu, tên Trùng Hoa, sử gọi là Ngu Thuấn hoặc Thuấn, về sau truyền ngôi cho họ Vũ, chết ở Thương Ngô. (Theo HNĐTĐ, quyển 6, tr. 1113).

[37] Bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả thuyết chuyển: Số lượng cực đại, một trong mươi số cực đại được dùng trong Phật giáo.

[38] Chín đời: cao tổ phụ, tằng tổ phụ, tổ phụ, phụ mẫu, bản thân, con, cháu nội, cháu cố, chắt.

[39] Tự tú: ngày cuối cùng của hạ an cư, mỗi vị tì-kheo nêu lên các tội mình đã phạm trong ba việc thấy, nghe, nghi đối trước các tì-kheo khác mà sám hối, sám hối thì được thanh tịnh, sinh vui mừng nên gọi là Tự tú. Ngày này được gọi là Tăng tự tú nhật, Tăng thụ tuế nhật. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4955).

[40] Sơn phòng: phòng xá, hoặc chùa, hoặc phòng đọc sách trên núi. (Theo HNĐTĐ, quyển 3, tr. 777).

[41] Thủ tọa: thượng tọa, thủ chúng, vị tăng đứng đầu trong tăng đường. Đây là người gương mẫu trong tùng lâm, làm con mắt trí tuệ soi sáng cho trời người. (Theo TĐPHHQ, tập 6, tr. 5634).

[42] Cô phong: một ngọn núi cao vút đứng độc lập. (Theo HNĐTĐ, quyển 4, tr. 221).

[43] Thủy mẫu thiền: loại thiền không có hoạt động.

[44] Tam huyền, Tam yếu: ba huyền môn và ba yếu tố dùng để tiếp dẫn người học của thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền, nhằm kích thích hành giả phát khởi nghi tình.

Tam huyền là:

a. Thể trung huyền: câu nói hoàn toàn không trau chuốt, là câu nói được biểu hiện y cứ vào chân tướng và đạo lý của tất cả sự vật.

b. Cú trung huyền: lời nói chân thật, không dính dáng đến tình thức phân biệt, tức không câu nệ nơi lời nói mà ngộ được chỗ huyền áo của nó.

c. Huyền trung huyền (Dụng trung huyền): câu nói huyền diệu, lìa tất cả những sự trói buộc, đổi dãi về luận lý và ngữ cú.

Tam yếu là: trong lời nói không có phân biệt tạo tác, nghìn thánh vào chỗ huyền áo, đường ngôn ngữ dứt. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4111).

[45] Hành cước: còn gọi là du phương, du hành, vân thủy. Nghĩa là tăng lữ không có chỗ ở nhất định, hoặc vì tìm kiếm danh sư hoặc vì tự mình tu trì, hoặc vì giáo hóa kẻ khác, mà đi chu du bốn phương. tăng du phương gọi là hành cước tăng. (Theo TĐTTHV, tr. 269).

[46] Nhân duyên: có hai nghĩa:

a. Thiền tông cho cơ ngữ hoặc hành vi động tác thị cơ, ứng cơ là nhân duyên, ý nghĩa giống như công án.

b. Giáo môn cho rằng những tư tưởng ngôn hạnh có thể dẫn đến quả báo là nhân duyên, tức là nhân trong nhân quả báo ứng. (Theo TĐTTHV, tr. 507).

[47] Đại sự nhân duyên: cảm ứng một việc lớn. *Tam tạng pháp số* ghi: “Nhất túc là nhất thật tướng, vì thể tính của nhất thật tướng rộng lớn nên gọi là “đại”; nghĩa là Như Lai xuất thế độ sinh gọi là “sự”. Chúng sinh vốn có nhất thật tướng này mà khéo thành cơ cảm Phật, nên gọi là “nhân”. Như Lai đã chứng nhất thật tướng này mà khởi ứng độ sinh nên gọi là “duyên”. Tất cả Như Lai xuất hiện ở đời đều vì khai thị thật tướng vốn có của chúng sinh, khiến tất cả được ngộ nhập tri kiến Phật. Là việc này thì chẳng phải là bản hoài xuất thế của Như Lai. Một việc lớn (Nhất đại sự), chỉ việc chuyển mê khai ngộ”. Luận theo các kinh thì đại sự trong *kinh Pháp hoa* là tri kiến Phật, *kinh Niết-bàn* là Phật tính, *kinh Vô Lượng Thọ* là vãng sinh Cực lạc. *Phẩm Phương tiện*, *kinh Pháp hoa*, ghi: “Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời” (Theo TĐPHHQ, tập 2, tr. 1307).

[48] Chính lệnh hành: đạo Phật tổ lưu hành ở đời. Tắc 63, *Bích nham lục* (Đại 48, 194 hạ) ghi: “Lấy một câu chính lệnh đương hành, thập phương tọa đoạn để chỉ cho ngoài việc đánh hé tách lập một pháp nào khác mới là tông chỉ Giáo ngoại biệt truyền”. (Theo TĐTTHV, tr. 103).

[49] Tứ chuyển ngữ: lời lẽ sắc bén tự tại tùy cơ nghi chuyển biến. Khi người học Thiền còn mờ昧 chưa liễu ngộ, trong lúc tiến thoái lưỡng nan thì thiền sư liền xoay chuyển cơ phong, hạ chuyển ngữ, để cho người học khai ngộ. (Theo TĐPHHQ, tập 1, tr. 989).

[50] Tiết trùng dương nhằm ngày 9 tháng 9.

[51] Kế sống (hoạt kế):

a. Nghề nghiệp mưu sinh, công việc. Trong các trước tác Thiền tông, phần nhiều dùng từ này để dụ cho thiền pháp hoặc hành vi cơ dụng. *Mật am ngữ lục* ghi: “Vuông tròn không dùng đến cơ mưu, dài văn chớ đem nói nín tìm. Một chiếc búa cũng là nghề nghiệp chân chính, suy nghĩ chi làm phí thời gian”.

b. Công cụ, gia sản sinh sống. Chương Khuông Ngộ thiền sư trong CĐTDL q.17 ghi: “Hỏi: Thế nào là đóng cửa tạo xe? Sư đáp: Gia sản không có gì cả”. (Theo TĐTTHV, tr. 298).

[52]Vương lão sư: thiền sư Phổ Nguyên ở Nam Tuyền Trì Châu, họ Vương, thừa pháp ngài Mã Tỗ , hoằng đạo ở Nam Tuyền, thường được xưng là Vương lão sư. (Theo PHĐTĐ của Đinh Phúc Bảo).

[53]Tứ cú bách phi: bốn câu và trăm phủ định thường dùng trong Phật giáo. Bốn câu: hữu, vô, vừa hữu vừa vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô”; hoặc chỉ cho bốn câu: khẳng định, phủ định, một phần khẳng định một phần phủ định, cả hai đều phủ định; để làm hình thức phán đoán các luận nghị. Trong Thiền tông cũng thường chỉ cho Tứ liệu giản của ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền: 1. Đoạt nhân bất đoạt cảnh. 2. Đoạt cảnh bất đoạt nhân. 3. Nhân cảnh câu đoạt. 4. Nhân cảnh câu bất đoạt. Ngoài ra, Duy-ma Kinh Huyền Sớ cho rằng có hơn 10 thuyết khác nhau về Tứ cú.

Bách phi chỉ cho sự phủ định hoàn toàn, như *kinh Đại Bát niết-bàn* 21 (Bản Bắc) nói niết-bàn của Như Lai là: phi hữu, phi vô, phi hữu vi, phi vô vi, phi hữu lậu, phi vô lậu, cho đến phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại....., cho nên biết tứ cú bách phi đều là những khái niệm giả danh được thiết lập y cứ vào lập trường của tất cả sự phán đoán và luận nghị, nhưng tông chỉ cứu cánh của Phật giáo là vượt ngoài những khái niệm giả danh này và đạt đến cảnh giới dứt bất nói năng, suy nghĩ. Cho nên trong Thiền lâm lưu truyền rộng rãi danh ngôn “Ly tứ cú tuyệt bách phi”. Thiền tông có rất nhiều công án về tứ cú bách phi, là kim chỉ nam cho người tham thiền học đạo. (Theo TĐPHHQ, tập 5, tr. 4721).

[54] Lư Thị: tức ông Lư Khâu Dận.

[55] Phong Can: thiền sư Trung Quốc, sống vào đời Đường, không rõ năm sinh và mất. Ban đầu, Sư trụ chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, ngày giã gạo, đêm ngâm vịnh, lời nói không nhất định, phần nhiều giống như những lời dự ký. Nếu có người hỏi thì Sư đáp hai chữ “tùy thời”, chứ không nói gì khác. Khoảng năm 712-713, Sư hành hóa đến Kinh Triệu (Trường An), trị bệnh cho Lư Khâu Dẫn. (Theo TĐPHHQ, tập 4, tr. 3703).

[56] Không hoa: hoa đốm trong hư không. Trong hư không không có hoa, nhưng vì người mắt bệnh nhầm nên vọng thấy có hoa đốm huyền hiện. Phật thường dùng từ ngữ này để dụ cho cảnh giới vốn không thật thề, vì hiểu biết sai lầm nên thấy có một cái ngã thường trú, hoặc có thật thề, gọi là không hoa. (Theo TĐPHHQ, tập 3, tr. 2312).

[57]Phần Dương: ngài Thiện Chiêu, thiền sư Trung Quốc, dòng Lâm Tế, đời Tống, họ Du, người ở Thái Nguyên (nay là tỉnh Sơn Tây). Thuở nhỏ Sư thông minh, tự nhiên thông hiểu văn tự. Mười bốn tuổi cha mẹ qua đời, Sư xuất gia, thọ giới Cụ túc, đi tham phỏng 71 vị thạc đức tôn túc, đến Thủ Sơn ở Nhữ Châu tham phỏng thiền sư Tỉnh Niệm được đại ngộ và được nối pháp. Sau, Sư đến Hành Tương, Tương Miện, quan Quận thủ mời Sư về trụ trì các chùa nổi tiếng, nhưng Sư không nhận. Khi ngài Tỉnh Niệm thị tịch, Sư mới nhận lời thỉnh của tăng tục ở Tây Hà đến trụ viện Thái Tử ở Phần Dương, giảng rộng về tông

yếu, dùng các cơ dụng như tam cú, túc cú, tam quyết, thập bát xướng... để tiếp hóa người học, nổi tiếng một thời. Ba mươi năm, Sư không ra khỏi cửa, tăng tục gọi ngài là Phàn Dương. Sư thị tịch năm 1024 đời Tống, hưởng thọ 78 tuổi. Thụy hiệu là Vô Đức Thiền Sư. (Theo TĐPHHQ, tập 6, tr. 5547).

[58] Hoạn tử: chết bất ngờ do gấp tai họa. Có chín thứ: bệnh mà không có thầy thuốc phải chết, bị luật vua xử tử, phi nhân đoạt tinh khí, lửa cháy, nước nhận chìm, ác thú ăn thịt, té từ cao xuống, bị thuốc độc, bùa chú trù ém, đói khát. (Theo TĐPHHQ, tập 2, tr. 1905).

[59] Hệ tử: *Kinh Dịch* có 7 loại: Thoán, tượng, văn ngôn, hệ tử, thuyết quái, tự quái, tạp quái. Thoán, tượng, hệ tử, mỗi loại chia ra 2 thiên. Như vậy có 10 thiên. Người đời Hán gọi là Thập dực (Theo Ngũ Văn Hán Nôm tập hai, Ngũ Kinh, Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, tr 507).

[60] Tùng lâm: giới Phật giáo, tự viễn, thiền tự, từ mà chư tăng dùng để gọi các thiền sư. (Theo TĐTTHV, tr. 906).

[61] Từ định: ở trong thiền định, khi hành giả muốn chúng sinh được an lạc thì trong tâm số pháp sinh định, gọi là từ định. (Theo Pháp Giới Thứ ·Đệ Sơ Môn).

[62] Chân Điểm Hung: tức thiền sư Thúy Nham Khả Chân. Sư đắc pháp nơi Thạch Sương Sở Viên.

[63] Thương tọa: trưởng lão, thương lạp, thủ tọa, trụ vị. Vị tăng hay vị ni có tuổi hạ cao và ở địa vị trên, một trong tam cang. *Kinh Tì-ni-mẫu* 6 y cứ vào tuổi hạ cao. (TĐPHHQ, tập 6, tr 5730).

[64] Chư phuơng: thiền sư ở các nơi hoặc chỉ cho thiền viện. (Theo TĐTTHV, tr. 110).

[65] Tứ tân chủ: bốn câu này để đo lường cơ phong, tiếp dẫn người học của thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền. Trong đó, tân là vị khách đến tham vấn, chủ là vị thầy. Tứ tân chủ gồm có:

a- Tân khán chủ: người khách xem thấy rõ ông chủ, như tiếng hét của người học chân chính là đưa ra cái chịu đựng keo. Thiện tri thức chẳng biết là cảnh bèn dính mắc cảnh đó mà làm dáng làm điệu, liền bị người học hét thêm tiếng nữa, thiện tri thức chẳng chịu buông xuồng. Ấy là bệnh tuyệt vọng chẳng thể trị.

b- Chủ khán tân: người chủ nhìn tường tận được khách, như thiện tri thức chẳng đưa ra vật gì, tùy chồ hỏi của người học liền đoạt, người học bị đoạt thà chết chẳng chịu buông.

c- Chủ khán chủ: người chủ nhìn lại mình, như có người học đưa một cảnh thanh tịnh ra trước mắt thiện tri thức, thiện tri thức biết là cảnh, liền quăng vào hầm sâu. Người học nói: “Tốt lắm thiện tri thức”. Thiện tri thức liền nói: “Ngốc thay! Chẳng biết tốt xấu”. Người học bèn lẽ bái.

d- Tân khán tân: người khách nhìn rõ về họ, như có người học bị còng tay còng cổ ra trước mắt thiện tri thức. Thiện tri thức lại còng thêm một lớp, người học hoan hỷ, hai bên đều chẳng biết. (Theo TĐTTHV, tr. 923).

[66] Tình kiến: tục tình vọng kiến. *Bích nham lục* q.1 ghi: “Tuyết Đậu sợ người ta chạy theo tình kiến. Vì thế rút hẳn chốt cửa, bày kiến giải của mình, nói: “Thôi nhớ nhau, gió mát khắp nơi bao giờ ngưng”. (Theo TĐTTHV, tr. 814).

[67] Nê ngưu nhập hải: con trâu đất chìm xuống biển. Dụ cho mất dấu vết, không tin tức; có nghĩa là một đi không trở lại. Nê ngưu (trâu đất) dụ cho tác dụng suy tư phân biệt. Hải (biển): pháp tính bình đẳng. Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ cảnh giới của người khai ngộ, vọng tình hòa tan vào chân tâm. (Theo TĐTTHV, tr. 475).

[68] Nhất đạo thần quang: một luồng ánh sáng thần diệu, tức ánh sáng sẵn có của chính mình, là tâm sáng suốt linh diệu không mờ mịt. Tắc 31, *Thung dung lục* (Đại 48, 248 thượng) ghi: “Một luồng ánh sáng thần diệu, từ trước đến nay chẳng hề che giấu”. (Theo TĐTTHV, tr. 814).

[69] Lương cửu: lặng lẽ hoặc thản nhiên một hồi. Nguyên ý là thời gian hơi lâu. Thiền tông dùng từ này chỉ cho trạng thái vô ngôn vô ngữ. Lúc vị thầy tiếp dẫn người học, người học đưa ra nghi vấn, hoặc trình bày kiến giải của mình, hoặc trả lời câu hỏi của thầy, thầy thường dùng thái độ lặng lẽ một hồi để biểu thị sự đồng ý hoặc phản đối. (Theo TĐTTHV, tr. 428).

[70] Tiêu Hà: Thừa tướng của Hán vương Lưu Bang.

[71] Hàn Tín: Đại tướng của Hán vương Lưu Bang. Nhờ Tiêu Hà và Hàn Tín mà Lưu Bang diệt Hạng Vũ và lên ngôi Hoàng đế, tức Hán Cao Tổ (206 BC). Tiêu Hà, Hàn Tín, Trương Lương được gọi là “Hán tam kiệt”, nghĩa là ba người hào kiệt đầu đời Hán. (Theo Lịch Sử Trung Quốc 4000 năm, tập 1, tr. 277-294).

[72] Hoắc Quang: Đại tướng 3 đời: Hán Vũ Đế, Hán Chiêu Đế và Hán Tuyên Đế. Ông nắm đại quyền triều chính khi Hán Vũ Đế băng. Lúc đó, Hán Chiêu Đế lên ngôi mới 8 tuổi. (Theo Lịch Sử Trung Quốc 4000 năm, tập 1, tr. 369-373).

[73] Giác Phạm: thiền sư Bảo Giác ở chùa Thanh Lương, đất Đoan Châu đời Tống, tên Đức Hồng, tự Giác Phạm, ban đầu tên Huệ Hồng, ngộ đạo nơi thiền sư Chơn Thanh Khắc Văn, trước tác bộ Thiền Lâm Tăng Bảo Truyện, 30 quyển và Lâm Gian Lục. Sư thị tịch tháng 5 niên hiệu Kiến Viêm đời Cao Tông, thọ 58 tuổi, được vua ban tặng hiệu Bảo Giác Viên Minh. (Theo PHĐTĐ của Đinh Phúc Bảo).

[74] Sơ Sơn: núi thuộc huyện Kim Khê, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, nằm cách trung tâm huyện 29km về hướng tây bắc. Trong núi có chùa Sơ Sơn. Núi này vốn là chỗ đọc sách của ẩn sĩ Hà Tiên Đan đài Đường, nên có khi gọi là Thư Sơn. Khoảng niên hiệu Trung Hoa (881-884) đời Đường, thiền sư Khuông Nhân, tông Tào Động đến núi này cất chùa, Vua ban bằng hiệu là Bạch Vân. Vào đời Nam Đường, đổi tên là Sơ Sơn. Đời Minh có thiền tăng Tự Tính trụ trì. (Theo TĐTTHV, tr. 639).

[75] Chữ dĩ (以) không thành, bát (八)· cũng sai: Chữ “dĩ” chỉ cho chữ “· ·”· viết trên đầu lá bùa hộ mạng, ấy là biến hình của chữ “· ·”· trong các chữ tất-đàm. Tuy nhiên, nếu nhìn theo chữ Trung Quốc thì chẳng phải là chữ “dĩ” cũng chẳng phải chữ “bát”. Thiền tông căn cứ vào việc trên để chỉ cho bản lai diện mục rất khó diễn đạt, dù bằng bất cứ phương tiện nào. (Theo TĐPHHQ, tập 2, tr. 1060).

[76] Thi tăng còn gọi là văn tăng. Vị tăng giỏi thơ văn. Đặc biệt chỉ cho các vị thi tăng ở Giang Tả, sống vào đời Đường, Trung Quốc. (Theo TĐPHHQ, tập 6, tr. 5421).

[77] Tác gia còn gọi là Tác giả: bậc tu hành tài giỏi có cơ dụng vượt hơn người. (Theo TĐTTHV, tr. 652).

[78] Tự nghĩa: ý nghĩa từ ngữ.

[79] Thể lộ chân thường: vật thể hoàn toàn hiển bày tướng trạng chân thật, vĩnh hằng, là điều mà nhà Phật gọi là chơn như. Đây là cảnh giới của người ngộ Thiền. Tiết Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư trong NĐHN q.3 ghi: “Linh quang sáng tỏ, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng mắc văn tự. Tâm tính không nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên, tức như như Phật”. (Theo TĐTTHV, tr. 719).

[80] Như như: chân thật tướng của vạn sự vạn vật bình đẳng không hai, gọi là như như. Đoạn té tâm yếu ghi: “Vô tâm là không có tất cả tâm. Thể như như bên trong như gỗ đá không lay không động; bên ngoài như hư không không bít không ngại, không nồng sở không chỗ nơi, không tướng mạo không được mắt”. (Theo TĐTTHV, tr. 541).

(Ban Dịch Thuật Hán Tạng Pháp Âm)